

TỈNH ỦY SÓC TRĂNG
BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN

*

TÀI LIỆU
BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HÈ
NĂM 2025
(Lưu hành nội bộ)

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 6 năm 2025

MỤC LỤC

Chuyên đề 1: Những nội dung cơ bản của Hội nghị lần thứ 11, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.....	3
Chuyên đề 2: Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	6
Chuyên đề 3: Tình hình trong nước, trong tỉnh nổi bật trong 6 tháng đầu năm 2025	17
Chuyên đề 4: Thực trạng bạo lực học đường trên địa bàn tỉnh và các giải pháp phòng, chống bạo lực học đường trong thời gian tới.....	28
Chuyên đề 5: Nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Sóc Trăng năm học 2025 - 2026	35
Phụ lục: Một số văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.....	48

CHUYÊN ĐỀ 1

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11, BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIII

Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII họp từ ngày 10/4 đến ngày 12/4/2025 tại Thủ đô Hà Nội.

*** Hội nghị đã họp, cho ý kiến về các nội dung sau:**

(1) Thông qua nội dung cơ bản các dự thảo văn kiện trình Đại hội XIV sau đây:

- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

- Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam.

- Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

- Báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

(2) Cơ bản thống nhất dự thảo Phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV.

(3) Cho ý kiến về giới thiệu nhân sự bổ sung quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV để Bộ Chính trị xem xét, quyết định quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo thẩm quyền.

(4) Cơ bản thống nhất Đề án phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

(5) Cơ bản thống nhất với các nội dung đề xuất của Bộ Chính trị và Đề án về phương án sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, sắp xếp các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ vào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; sắp xếp, tinh gọn chức bộ máy Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân; xây dựng hệ thống tổ chức đảng ở địa phương; chủ trương sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013.

Thông qua một số nội dung cụ thể tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thiện và nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị như sau:

- Về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp: (1) Đồng ý chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: Cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố); kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025 sau khi Nghị quyết sửa đổi, bổ

sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành. (2) Đồng ý số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sáp nhập là 34 tỉnh, thành phố (28 tỉnh và 6 thành phố trực thuộc Trung ương); tên gọi và trung tâm chính trị - hành chính của đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp được xác định theo các nguyên tắc nêu tại Tờ trình và Đề án của Đảng uỷ Chính phủ. (3) Đồng ý sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã bảo đảm cả nước giảm khoảng 60 - 70% số lượng đơn vị hành chính cấp xã so với hiện nay.

- Về tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: (1) Đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn hợp nhất cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã như Tờ trình và Đề án của Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương; việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy phải bảo đảm sâu sát cơ sở, địa bàn, chăm lo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân và đoàn viên, hội viên của tổ chức mình. (2) Thống nhất chủ trương kết thúc hoạt động của công đoàn viên chức, công đoàn lực lượng vũ trang; giảm mức đóng góp công đoàn phí của đoàn viên công đoàn.

Về hệ thống tổ chức Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp: Đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân; hệ thống tổ chức Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân có 3 cấp: Toà án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, cấp tỉnh, cấp khu vực. Kết thúc hoạt động của Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao và Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện.

Về hệ thống tổ chức đảng ở địa phương: Đồng ý chủ trương lập tổ chức đảng ở địa phương tương ứng với hệ thống hành chính cấp tỉnh, cấp xã. Kết thúc hoạt động của đảng bộ cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố, quận trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương). Lập tổ chức đảng tương ứng với đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã theo đúng Điều lệ Đảng, quy định của Trung ương.

(6) Cơ bản thống nhất nội dung sửa đổi, bổ sung Quy định số 232-QĐ/TW, ngày 20/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng; Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 và Quy định số 262-QĐ/TW, ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

(7) Cơ bản thống nhất nội dung sửa đổi, bổ sung Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 và Kết luận số 118-KL/TW, ngày 18/01/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

(8) Thống nhất chủ trương sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước liên quan đến các quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; các quy định về chính quyền địa phương phục vụ việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; bảo đảm hoàn thành trước ngày 30/6/2025, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025; quy định thời gian chuyển tiếp để bảo đảm hoạt động thông suốt, không gián đoạn, phù hợp với lộ trình dự kiến sắp xếp, sáp nhập.

(9) Thông qua Báo cáo của Bộ Chính trị về những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị lần thứ 10 đến Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII và một số nhiệm vụ trọng tâm từ Hội nghị lần thứ 11 đến Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII; Báo cáo công tác hoàn thiện thể chế; Báo cáo công tác chuẩn bị Đại hội XIV của Đảng; các Báo cáo khái quát về tình hình đất nước, về những thách thức đe dọa an ninh, trật tự nổi lên thời gian gần đây, về tình hình thế giới, khu vực và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới; tình hình và giải pháp liên quan đến ứng phó chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ.

(10) Nghe Báo cáo chuyên đề về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

(11) Đồng ý đề đồng chí Nguyễn Văn Hiếu thôi giữ chức Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII.

(12) Thi hành kỷ luật bằng hình thức Cách chức tất cả các chức vụ trong Đảng đối với đồng chí Trương Hoà Bình, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Bí thư Ban cán sự đảng Chính phủ, nguyên Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ.

Sau ba ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã hoàn thành toàn bộ nội dung, chương trình đề ra. Các đồng chí Trung ương đã thảo luận dân chủ, lắng nghe, trao đổi thẳng thắn nhiều vấn đề mới, hệ trọng và thống nhất rất cao những nội dung quan trọng, cốt lõi. Ban Chấp hành Trung ương đã biểu quyết thông qua Nghị quyết Hội nghị với tỷ lệ tuyệt đối.

CHUYÊN ĐỀ 2

BÁO CÁO TỔNG KẾT NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW, NGÀY 25/10/2017 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XII MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TINH GỌN, HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

Thực hiện Công văn số 5726/BNV-TCBC ngày 17/9/2024 của Bộ Nội vụ về việc báo cáo kết quả 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Sóc Trăng báo cáo kết quả 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW

1. Về tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ, Tỉnh ủy Sóc Trăng, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo và triển khai thực hiện, như sau:

- Tỉnh ủy Sóc Trăng ban hành Chương trình số 28-CTr/TU ngày 12/3/2018 về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Đề án số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Sóc Trăng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 13/4/2018 thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ và Chương trình số 28-CTr/TU ngày 12/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sóc Trăng ban hành Kế hoạch số 75-KH/TU ngày 15/8/2023 thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/2/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Trên cơ sở Kế hoạch số 75-KH/TU, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 25/10/2023 thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ và Kế hoạch số 75-KH/TU ngày 15/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sóc Trăng thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/2/2023 của Bộ Chính trị.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, Ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ĐVSNCN trực thuộc UBND tỉnh phối hợp với các cơ quan

thông tin, truyền thông của tỉnh tổ chức quán triệt, tuyên truyền đến từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị và trong toàn hệ thống chính trị về các nội dung của Nghị quyết.

Qua công tác thông tin, tuyên truyền đã tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2. Về thể chế chủ trương của Đảng về tổ chức bộ máy, biên chế, quản lý công chức, viên chức

a) Về hoàn thiện chính sách, pháp luật về tổ chức bộ máy, biên chế, quản lý công chức, viên chức theo Nghị quyết số 99/NQ-CP

Thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực (Nghị quyết số 99/NQ-CP); Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước (Nghị quyết số 04/NQ-CP), UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1805/UBND-TH ngày 21/10/2020 triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 14/12/2022 thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Nhìn chung tình hình phân cấp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng cơ bản tạo điều kiện chủ động trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, giải quyết các công việc được giao theo thẩm quyền quy định, tăng cường trách nhiệm, tính chủ động trong công tác quản lý, giảm bớt một số quy trình, thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí và tạo sự hài lòng cho tổ chức, cá nhân.

Kết quả thực hiện phân cấp hiện nay trên địa bàn tỉnh ở các lĩnh vực như: Tài chính, Ngân sách; đầu tư; quản lý đất đai; quản lý cán bộ, công chức, viên chức; giao thông; xây dựng; tài nguyên và môi trường và một số lĩnh vực khác. Việc phân cấp được thực hiện bảo đảm theo nguyên tắc quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương và quy định trong văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở hướng dẫn của các Bộ ngành lĩnh vực, UBND cấp tỉnh, cấp huyện đã ban hành văn bản Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

Bên cạnh đó, căn cứ quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong ĐVSNC; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP), UBND tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 Quy định phân công, phân cấp

quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Sóc Trăng (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND), nội dung phân cấp tập trung đẩy mạnh trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, điều động, chuyển công tác và một số nội dung khác liên quan đến việc sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

Đối với quản lý cán bộ, công chức cấp xã theo phân cấp của Chính phủ tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm; quy định rõ cơ chế phân cấp, ủy quyền theo Nghị quyết số 99/NQ-CP

Hàng năm, các cơ quan, đơn vị tiến hành rà soát, đánh giá tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý đảm bảo tuân thủ nguyên tắc về phân cấp. Việc thực hiện phân cấp luôn gắn kết với rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách hành chính và gắn với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

Bên cạnh đó, địa phương tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng, hội nghị tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ được phân cấp.

Nhìn chung, việc thực hiện các quy định phân cấp quản lý nhà nước, tạo điều kiện cho tỉnh chủ động hơn trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, giải quyết các công việc được giao theo thẩm quyền. Điều này cũng góp phần tăng cường trách nhiệm, tính chủ động trong công tác quản lý, giảm bớt một số quy trình, thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian và chi phí, tạo sự hài lòng cho tổ chức, cá nhân; đưa nền hành chính sát với những đặc điểm kinh tế - xã hội cụ thể của địa phương và góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, tạo sự chuyển biến rõ rệt trong công tác quản lý nhà nước. Đồng thời, bảo đảm sự quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương, từ cấp tỉnh đến cấp huyện, từ cấp huyện đến cấp xã tránh tình trạng không kiểm soát được đối tượng đối với sự phát triển của địa phương và tạo cầu nối phối hợp chặt chẽ giữa trung ương và địa phương.

3. Về tiếp tục kiện toàn tổ chức bên trong của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo hướng tinh gọn; rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Về hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ ngành, lĩnh vực, UBND tỉnh đã chỉ đạo thống nhất, toàn diện việc hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ

cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, bảo đảm khắc phục tình trạng trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý.

Tính đến thời điểm hiện nay, 18/18 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, 130/130 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện đã được ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức. Việc ban hành đảm bảo theo quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, giúp khắc phục tình trạng trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý.

b) Về sắp xếp kiện toàn tổ chức bên trong của cơ quan, đơn vị

Trên cơ sở quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, địa phương đã tiến hành rà soát và sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả, kết quả đạt được như sau:

*** Tổ chức hành chính:**

Hiện tại, toàn tỉnh Sóc Trăng có 18 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và 02 cơ quan hành chính khác là Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Sóc Trăng.

- Số lượng tổ chức bên trong thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh là 111 tổ chức, bao gồm 96 phòng, tương đương; 15 chi cục, tương đương⁽¹⁾ (trong đó, tổ chức bên trong thuộc chi cục, tương đương có 33 phòng);

- Số lượng tổ chức bên trong thuộc cơ quan hành chính khác thuộc UBND tỉnh là 07 tổ chức.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện là 130 tổ chức.

Kết quả: Tỉnh đã giảm 80 tổ chức hành chính, bao gồm 37 phòng thuộc sở; chi cục (có 33 phòng thuộc Chi cục) và 10 phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

Ngoài ra, Tỉnh đã thành lập Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp tỉnh theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP⁽²⁾; thành lập Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở hợp nhất Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh Sóc Trăng và Văn phòng HĐND tỉnh Sóc Trăng theo Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18/9/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND cấp tỉnh.

Từ ngày 30/6/2022 đến nay giảm 01 tổ chức hành chính thuộc Sở Giao thông vận tải do thực hiện sáp nhập Phòng Kế hoạch – Tài chính vào Văn phòng Sở Giao thông vận tải. Dự kiến đến ngày 31/12/2024, thực hiện hợp nhất Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Chi cục Phát triển nông thôn thành Chi cục Quản lý Chất lượng, Chế biến, Thị trường và Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng.

⁽¹⁾ Chi cục, tương đương (bao gồm Ban Tiếp công dân và Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Văn phòng UBND tỉnh).

⁽²⁾ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

*** Đơn vị sự nghiệp công lập:**

Tại thời điểm 30/9/2024 toàn tỉnh có 556 đơn vị, đã thực hiện giảm 124 đơn vị so với thời điểm 31/10/2017, cụ thể như sau:

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

Thực hiện giảm 83 đơn vị do sắp xếp, tổ chức lại. Trong đó, hình thành trường phổ thông nhiều cấp học (bao gồm, cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông). Trong đó, có 10 trường trung học cơ sở, trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và 12 trường tiểu học, trung học cơ sở trực thuộc UBND cấp huyện.

Tuy nhiên, việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp giáo dục gặp rất nhiều khó khăn khi vẫn còn tình trạng thiếu lớp, thiếu giáo viên so với quy định. Mặt khác, về phương diện quản lý một số trường sau khi sáp nhập còn có nhiều điểm trường có khoảng cách khá xa, khó khăn trong công tác quản lý, khó khăn trong việc di chuyển giữa các tiết dạy trong cùng một buổi. Đồng thời, việc sáp nhập vẫn chủ yếu mang tính cơ học chưa giảm biên chế giáo viên.

Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp:

Thực hiện giảm 02 đơn vị do sáp nhập Trường Trung cấp Y tế Sóc Trăng, Trường Trung cấp Văn hóa – Nghệ thuật vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng.

Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh còn 02 trường cao đẳng nghề công lập và các trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên chưa đảm bảo số lượng thành lập ĐVSNCL theo quy định và quy mô hoạt động còn hạn chế, khả năng thu hút học viên và học sinh thấp, thiếu linh hoạt trong việc cung cấp các chương trình đào tạo.

Lĩnh vực y tế:

Đã thực hiện giảm 22 đơn vị do hợp nhất Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS, Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sóc Trăng; sáp nhập các Bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Xuyên, Ngã Năm, Kế Sách, Cù Lao Dung, Mỹ Tú, Long Phú, Thạnh Trị, Vĩnh Châu vào Trung tâm y tế tuyến huyện; sáp nhập 11 Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình các huyện, thị xã, thành phố vào Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố.

Như vậy, đối với lĩnh vực y tế, tỉnh Sóc Trăng cơ bản đã hoàn thành sắp xếp, kiện toàn các ĐVSNCL theo quy định. Tuy nhiên, hiện nay chưa thực hiện việc chuyển các Trung tâm y tế về UBND cấp huyện quản lý do chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Y tế, ngoài ra đây là tuyến cơ sở để phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, do đó việc sắp xếp phải hết sức thận trọng và có lộ trình cụ thể.

Lĩnh vực khoa học và công nghệ:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng có 02 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, gồm Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công

nghệ. Dự kiến giai đoạn tới sẽ rà soát, sắp xếp các tổ chức khoa học và công nghệ công lập để phù hợp với Quy hoạch.

Lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao:

Đã thực hiện giảm 03 đơn vị do thực hiện hợp nhất Trung tâm văn hoá triển lãm Hồ nước Ngọt và Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể dục thể thao thành Trung tâm văn hoá thể thao tỉnh; hợp nhất 02 Trung tâm văn hóa – Thể thao vào Trung tâm Văn hóa – Thể Thao – Truyền thanh cấp huyện.

Lĩnh vực thông tin và truyền thông:

Đã thực hiện giảm 12 đơn vị do thực hiện hợp nhất Đài Truyền thanh, Trung tâm Văn hóa Thông tin cấp huyện với Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện thành Trung tâm Văn hóa – Thể Thao – Truyền thanh cấp huyện.

Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác:

Đã thực hiện giảm 02 đơn vị do thực hiện hợp nhất Trung tâm Giống cây trồng và Trung tâm Giống vật nuôi thành Trung tâm Giống nông nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng; giải thể Ban Quản lý chợ thị xã Vĩnh Châu.

Từ đầu năm 2024 đến nay, các đơn vị thuộc các lĩnh vực nêu trên hoạt động ổn định, chưa thực hiện sắp xếp.

c) Về kết quả thí điểm mô hình mới về tổ chức bộ máy và kiêm nhiệm chức danh của địa phương mình theo Thông báo kết luận số 16-TB/TW ngày 07/7/2022 về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW (đối với địa phương)

Cấp tỉnh: không thực hiện sáp nhập, hợp nhất các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh;

Cấp huyện: giảm 10 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện do thực hiện sáp nhập Phòng Y tế và Phòng Dân tộc vào Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (trong đó có 09 Phòng Y tế và 01 Phòng Dân tộc).

d) Về thực hiện các Quy định và Kết luận của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026

Về thực hiện các Quy định và Kết luận của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị:

+ Thực hiện Kết luận số 40-KL/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026 và Quyết định số 71-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026, UBND tỉnh Sóc Trăng đã triển khai, quán triệt các văn bản chỉ đạo về quản lý và sử dụng biên chế đến các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền;

+ Trên tinh thần Kết luận số 40-KL/TW và Quyết định số 71-QĐ/TW, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 16/5/2023 về quản lý và sử dụng biên chế giai đoạn 2022 - 2026, tỉnh Sóc Trăng. Từ năm 2022 đến nay, việc quản lý và sử dụng biên chế theo đúng quy định của pháp luật và ban hành các quyết định giao biên chế cụ thể hằng năm theo quy định.

+ Các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền thực hiện việc quản lý và sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao theo đúng quy định; đến nay, chưa phát hiện các trường hợp quản lý và sử dụng biên chế sai quy định.

- Về thực hiện tinh giản biên chế: Sau 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, tỉnh Sóc Trăng đã thực hiện tinh giản biên chế đối với 1.703 cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (trong đó, 90 công chức, 1.441 viên chức, 50 cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối Đảng, đoàn thể, 118 cán bộ, công chức cấp xã, 04 người làm việc tại các hội có tính chất đặc thù).

- Về số lượng cấp phó của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chấp hành đúng quy định về số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Đến nay, tổng số cấp phó của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh là 54 cấp phó (trong đó, có 02 đơn vị có 02 Phó Giám đốc, 14 đơn vị có 03 Phó Giám đốc và 02 đơn vị có 04 Phó Giám đốc), số đang thực hiện là 48 cấp phó; các cơ quan chuyên môn cấp huyện là 238, số đang thực hiện là 204 cấp phó; Đồng thời, tỉnh đã quy định cụ thể số lượng cấp phó cho từng tổ chức bên trong thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

Nhìn chung, số lượng cấp phó tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và cấp huyện, cũng như số lượng cấp phó của các tổ chức bên trong thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đều không vượt quá quy định. Đối với các trường hợp số lượng cấp phó vượt quá quy định do sáp nhập, hợp nhất, trong thời hạn 03 năm kể từ ngày sáp nhập hoặc hợp nhất, khi có cấp phó nghỉ hưu hoặc được điều chuyển công tác, sẽ không được bổ sung thêm. Đồng thời, cần có giải pháp điều chỉnh và sắp xếp lại số lượng cấp phó vượt quy định để đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành.

d) Về hoàn thiện danh mục vị trí việc làm cùng với khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm của hệ thống chính trị làm cơ sở xác định biên chế của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn, gắn với đánh giá thực chất, xếp loại chính xác công chức, viên chức; tiết kiệm ngân sách nhà nước chi cho bộ máy, con người.

Tỉnh đã hoàn thành 100% việc xây dựng, hoàn thiện và phê duyệt vị trí việc làm của 31/31 cơ quan hành chính nhà nước và 556/556 ĐVSNCNCL đảm bảo theo tiến độ quy định.

Theo đó, việc hoàn thiện danh mục vị trí việc làm cùng với khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm theo các quy định, hướng dẫn mới của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương đã góp phần làm cơ sở xác định biên chế của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn; góp phần nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của tình hình

mới; giúp cho việc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cán bộ, công chức, viên chức ngày càng thực chất, chính xác và hiệu quả hơn.

II. ĐÁNH GIÁ

1. Những mặt đã làm được

Được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát, quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự thống nhất thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị của tỉnh và sự quyết tâm, quyết liệt trong tham mưu triển khai, thực hiện của các cấp, các ngành địa phương. Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị đều nhận thức, quán triệt đầy đủ; bước đầu đã có sự tiến triển trong công tác tổ chức sắp xếp lại bộ máy hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy và góp phần nâng cao chất lượng, trẻ hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Cơ bản bộ máy được tổ chức theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiệu quả, tránh được sự chồng chéo, bỏ trống chức năng và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Cơ cấu bên trong đã có sự phân định rõ hơn giữ chức năng quản lý nhà nước và hoạt động nghề nghiệp.

Về quản lý và sử dụng biên chế công chức, viên chức, thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức, trong thời gian qua, tỉnh Sóc Trăng đã thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về mục tiêu tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021 và các chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Thực hiện đúng tinh thần giảm tối thiểu 10% biên chế giai đoạn 2015-2021 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, tỉnh Sóc Trăng đạt tỷ lệ giảm biên chế hành chính, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động vượt chỉ tiêu đề ra, góp phần cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và là cơ sở để thực hiện giảm biên chế theo tỷ lệ quy định.

2. Hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân

- Việc thể chế hóa chủ trương của Đảng bằng chính sách pháp luật, quy định của cơ quan lập pháp, hành pháp chưa kịp thời. Hệ thống quy phạm pháp luật của Chính phủ, Bộ, ngành chậm sửa đổi, bổ sung nên địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc cơ cấu tổ chức lại chức năng, nhiệm vụ của bộ máy.

- Do tiêu chí điều kiện thành lập phòng và tổ chức tương đương phòng gặp một số khó khăn trong quá trình sắp xếp, dẫn đến các cơ quan, đơn vị chỉ chú trọng đến tiêu chí biên chế công chức tối thiểu để thành lập phòng và tương đương mà không quan tâm đến các yếu tố khác như chức năng, nhiệm vụ,... dẫn đến sau khi quá trình tổ chức lại gây khó khăn trong công tác hoạt động và quản lý, phải tiến hành sắp xếp lại.

- Một số cơ quan, đơn vị triển khai tổ chức thực hiện chưa thật sự quyết liệt, đồng bộ, toàn diện; chưa thấy hết vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc sắp xếp tổ chức bộ máy; chưa chủ động, tích cực đi sâu nghiên cứu, đề xuất các biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy. Bên cạnh đó, còn lúng túng khi giải quyết vấn đề nhân sự dôi dư so với yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Hiện nay tỉnh Sóc Trăng đang trong quá trình thực hiện tinh giản biên chế theo quy định nên cũng ảnh hưởng đến công tác sắp xếp tổ chức bộ máy do không đủ số lượng biên chế công chức tối thiểu cơ cấu thành lập phòng và tổ chức tương đương, dẫn đến một tổ chức phải đảm nhận nhiều đầu mỗi công việc lớn, đôi lúc xử lý công việc vẫn còn lúng túng và chưa kịp thời.

- Hoạt động phân cấp, phân quyền chủ yếu dừng lại ở mức các cấp, các ngành chức năng thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn đã được nêu trong các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, có quy định phân cấp mới thực hiện phân cấp.

3. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, giữ vững các nguyên tắc tổ chức, hoạt động và đề cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nghiêm túc thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành, từng địa phương; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Thứ hai, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông; kết hợp hài hòa giữ kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; gắn đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh giản biên chế và cải cách chính sách tiền lương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Thứ ba, làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế; tăng cường tuyên truyền, vận động, thuyết phục, tạo sự thống nhất cao trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

4. Nhiệm vụ thời gian tới

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức trách nhiệm, quyết tâm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là người đứng đầu trong việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 50-KL/TW, Nghị quyết số 99/NQ-CP và các chủ trương, quy định của Đảng, Nhà nước; làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế, quản lý công chức, viên chức theo chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy;

- Tiếp tục nâng cao nhận thức, quyết tâm, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu trong việc thực hiện Kết luận số 50-KL/TW, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết số 18-NQ/TW đặt ra đến năm 2030 và các chương trình, kế hoạch thực hiện chủ trương của Đảng.

- Tiếp tục rà soát đẩy mạnh, phân cấp phân quyền trong quản lý nhà nước theo tinh thần Nghị quyết số 99/NQ-CP và Nghị quyết số 04/NQ-CP của Chính phủ.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ

Xem xét bổ sung biên chế cho địa phương để thực hiện chuyển đổi biên chế sự nghiệp đã giao cho các tổ chức hành chính thuộc các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành biên chế công chức để địa phương thực hiện kiện toàn vị trí, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao; bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo cho địa phương theo Báo cáo số 194/BC-UBND ngày 09/7/2024 nhu cầu biên chế giáo viên năm học 2024-2025, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bộ, ngành lĩnh vực

Các Bộ quản lý chuyên ngành theo lĩnh vực quan tâm thực hiện rà soát, sửa đổi quy định về phân quyền giữa trung ương và địa phương, nhằm thực hiện phân cấp, phân quyền một cách sâu rộng trong thực tế. Đồng thời, các văn bản liên quan đến phân cấp quy định theo hướng linh hoạt hơn, cho phép cấp tỉnh có thể dễ dàng thực hiện việc phân cấp nếu đáp ứng đủ điều kiện.

(Đính kèm Phụ lục 5 và Phụ lục 6).

Trên đây là báo cáo kết quả 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của tỉnh Sóc Trăng gửi Bộ Nội vụ tổng hợp.

Phụ lục 5
TỔNG HỢP CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương	Tổng số tổ chức hành chính cấp tỉnh	Cấp tỉnh										Cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp huyện	
			Cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh						Tổ chức hành chính khác					
			Số lượng cơ quan chuyên môn và tương đương		Tổ chức bên trong				Số lượng tổ chức hành chính khác		Tổ chức bên trong			
					Tổ chức	Cấp phó	Phòng		Chi cục và tương đương		Tổ chức	Cấp phó	Tổ chức	Cấp phó
			Tổ chức	Cấp phó			Tổ chức	Cấp phó	Tổ chức	Cấp phó				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG	20	18	54	96	118	15	18	2	6	7	6	130	238
-	Tính đến 31/12/2023	20	18	54	96	121	15	18	2	6	7	6	130	240
-	Tính đến 30/9/2024	20	18	54	96	118	15	18	2	6	7	6	130	238
-	Dự kiến đến 31/12/2024	20	18	54	96	118	14	17	2	6	7	6	130	238
-	Tăng/Giảm 2023-2024	0	0	0	0	-3	0	0	0	0	0	0	0	-2
-	Tỷ lệ tăng giảm (%)	0	0	0	0	-2,48	0	0	0	0	0	0	0	-0,83

Phụ lục 6
TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP Ở ĐỊA PHƯƠNG

STT	Danh mục	Tính đến 31/12/2023									Tính đến 30/6/2024									Dự kiến đến 31/12/2024								
		Tổng cộng	Giáo dục và đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Y tế	Khoa học và công nghệ	Nông nghiệp và PTNT	Thông tin và truyền thông	Văn hóa, TDTT	Sự nghiệp khác	Tổng cộng	Giáo dục và đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Y tế	Khoa học và công nghệ	Nông nghiệp và PTNT	Thông tin và truyền thông	Văn hóa, TDTT	Sự nghiệp khác	Tổng cộng	Giáo dục và đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Y tế	Khoa học và công nghệ	Nông nghiệp và PTNT	Thông tin và truyền thông	Văn hóa, TDTT	Sự nghiệp khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
	TỔNG	557	462	14	20	2	6	3	17	33	556	461	14	20	2	6	3	17	33	556	461	14	20	2	6	3	17	33
-	Thuộc UBND tỉnh	6	1	2				1		2	6	1	2				1		2	6	1	2				1		2
-	Thuộc Sở	88	41		20	1	5	2	6	13	88	41		20	1	5	2	6	13	88	41		20	1	5	2	6	13
-	Thuộc tổ chức hành chính khác ở cấp tỉnh	1								1	1								1	1								1
-	Thuộc Chi cục thuộc Sở	1				1				1					1					1				1				
-	Sự nghiệp khác (Trung tâm Đào tạo lái xe tàu thuộc Trường Cao đẳng Nghề tỉnh Sóc Trăng)	1		1							1		1							1		1						
-	Thuộc UBND huyện	460	420	11	0	0	1	0	11	17	459	419	11	0	0	1	0	11	17	459	419	11	0	0	1	0	11	17

CHUYÊN ĐỀ 3
TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC, TRONG TỈNH NỘI BẮT
TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
(Số liệu cập nhật đến hết tháng 5/2025)

I- BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG NƯỚC

1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp

- Lúa đông xuân: Vụ lúa đông xuân năm 2025 cả nước gieo cấy được 2.970,9 nghìn ha, tăng 17,0 nghìn ha so với vụ đông xuân năm trước, trong đó: Các địa phương phía Bắc gieo cấy 1.052,1 nghìn ha, giảm 7,7 nghìn ha; các địa phương phía Nam gieo cấy 1.918,8 nghìn ha, tăng 24,7 nghìn ha.

Tính đến ngày 20/5/2025, các địa phương phía Nam thu hoạch được 1.881,0 nghìn ha lúa đông xuân, chiếm 98,0% diện tích xuống giống và bằng 101,1% so với cùng kỳ năm trước.

- Lúa hè thu: Tính đến 20/5/2025, các địa phương phía Nam gieo trồng được 1.258,3 nghìn ha lúa hè thu, bằng 111,3% cùng kỳ năm trước.

- Diện tích một số cây hàng năm như ngô, đậu tương, lạc, khoai lang tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do hiệu quả kinh tế không cao.

- Chăn nuôi: Chăn nuôi trâu, bò trong tháng Năm có xu hướng giảm. Chăn nuôi lợn và gia cầm phát triển khá, tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm được kiểm soát. Ước tính tổng số lợn của cả nước tính đến thời điểm cuối tháng 5/2025 tăng 3,6% so với cùng thời điểm năm 2024; tổng số gia cầm tăng 3,5%; tổng số bò giảm 0,4%; tổng số trâu giảm 36%.

b) Lâm nghiệp

Tính chung năm tháng đầu năm 2025, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 113,7 nghìn ha, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 39,0 triệu cây, tăng 3,7%; sản lượng gỗ khai thác đạt 8.395,2 nghìn m³, tăng 10,2%; diện tích rừng bị thiệt hại là 603,8 ha, giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị chặt, phá là 466,2 ha, tăng 27,0%; diện tích rừng bị cháy là 137,6 ha, giảm 51,7%.

c) Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 5/2025 ước đạt 828,2 nghìn tấn, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 455,2 nghìn tấn, tăng 4,7%; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 373,0 nghìn tấn, tăng 1,8%. Tính chung năm tháng đầu năm 2025, sản lượng thủy sản ước đạt 3.616,0 nghìn tấn, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 2.641,9 nghìn tấn, tăng 2,9%; tôm đạt 429,8 nghìn tấn, tăng 5,1%; thủy sản khác đạt 544,3 nghìn tấn, tăng 1,8%.

2. Sản xuất công nghiệp

- Sản xuất công nghiệp tháng Năm tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 5/2025 ước tính tăng 4,3% so với tháng trước và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm tháng đầu năm 2025, IIP tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước.

- Chỉ số sản xuất công nghiệp năm tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 61 địa phương, riêng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tỉnh Cao Bằng lần lượt giảm 3,4% và 3,3%.

- Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/5/2025 tăng 1,1% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 4,5% so với cùng thời điểm năm trước.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp⁽³⁾

- Trong tháng Năm, cả nước có hơn 15,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, giảm 0,6% so với tháng trước và tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có 8.017 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 11,1% so với tháng trước và tăng 18,8% so với cùng kỳ năm 2024; 5.924 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 17,5% và tăng 11,7%; 6.535 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 27,3% và tăng 43,6%; 1.909 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 9,1% và giảm 12,8%.

- Tính chung năm tháng đầu năm 2025, cả nước có 111,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 22,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 111,6 nghìn doanh nghiệp, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 22,3 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

4. Đầu tư

- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 5/2025 ước đạt 55,4 nghìn tỷ đồng, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm tháng đầu năm 2025, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 221,8 nghìn tỷ đồng, bằng 24,3% kế hoạch năm và tăng 17,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 bằng 24,2% và tăng 3,9%).

- Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/05/2025 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 18,39 tỷ USD, tăng 51,2% so với cùng kỳ năm trước.

⁽³⁾ Nguồn: Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và Kinh tế tập thể, Bộ Tài chính, nhận ngày 01/6/2025. Thực hiện Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024 của Chính phủ (có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2024), thời kỳ số liệu về đăng ký doanh nghiệp trong tháng được tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo. Riêng đối với các chỉ tiêu thời điểm (doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể), thời kỳ số liệu các tháng trước thời điểm 01/8/2024 được tính từ ngày 21 của tháng trước tháng báo cáo đến ngày 20 của tháng báo cáo.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm tháng đầu năm 2025 ước đạt 8,90 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước.

- Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong năm tháng đầu năm 2025 có 46 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 275,7 triệu USD, gấp 2,7 lần cùng kỳ năm trước; có 13 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 41,6 triệu USD, tăng 27,8%. Tính chung năm tháng đầu năm 2025, tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 317,3 triệu USD, gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 5/2025 ước đạt 172,4 nghìn tỷ đồng. Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước năm tháng đầu năm 2025 ước đạt 1.139,6 nghìn tỷ đồng, bằng 57,9% dự toán năm và tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng 5/2025 ước đạt 235,1 nghìn tỷ đồng; lũy kế năm tháng đầu năm 2025 ước đạt 833,8 nghìn tỷ đồng, bằng 32,7% dự toán năm và tăng 27,7% so với cùng kỳ năm trước.

6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng 5/2025 ước đạt 574,9 nghìn tỷ đồng, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm tháng đầu năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 2.851,4 nghìn tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,8%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,4% (cùng kỳ năm 2024 tăng 5,4%).

b) Xuất, nhập khẩu hàng hóa⁽⁴⁾

Trong tháng Năm, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa⁽⁵⁾ đạt 78,64 tỷ USD, tăng 5,8% so với tháng trước và tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 355,79 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,0%; nhập khẩu tăng 17,5%⁽⁶⁾. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 4,67 tỷ USD.

- Xuất khẩu hàng hóa

+ Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 5/2025 đạt 39,6 tỷ USD, tăng 5,7% so với tháng trước và tăng 17,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 180,23 tỷ USD, tăng 14,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 49,62 tỷ USD, tăng 12,5%, chiếm 27,5% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 130,61 tỷ USD, tăng 14,5%, chiếm 72,5%.

⁽⁴⁾ Kim ngạch xuất khẩu tính theo giá F.O.B và kim ngạch nhập khẩu tính theo giá C.I.F (bao gồm chi phí vận tải, bảo hiểm của hàng nhập khẩu).

⁽⁵⁾ Số liệu sơ bộ xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tháng 5/2025 do Cục Hải quan cung cấp ngày 03/6/2025.

⁽⁶⁾ Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 5 tháng đầu năm 2024 đạt 307,57 tỷ USD, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 158,14 tỷ USD, tăng 16,2%; nhập khẩu đạt 149,43 tỷ USD, tăng 18,7%.

+ Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu năm tháng đầu năm 2025, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 158,93 tỷ USD, chiếm 88,2%.

- Nhập khẩu hàng hóa

+ Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 5/2025 đạt 39,04 tỷ USD, tăng 5,9% so với tháng trước và tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 175,56 tỷ USD, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 62,04 tỷ USD, tăng 12,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 113,52 tỷ USD, tăng 20,2%.

+ Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu năm tháng đầu năm 2025, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 164,75 tỷ USD, chiếm 93,8%.

- Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm tháng đầu năm 2025, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 57,2 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 69,4 tỷ USD.

- Cán cân thương mại hàng hóa tháng Năm xuất siêu 0,56 tỷ USD. Tính chung năm tháng đầu năm 2025, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 4,67 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 8,71 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 12,42 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 17,09 tỷ USD.

c) Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2025 tăng 0,16% so với tháng trước. CPI tháng Năm tăng 1,53% so với tháng 12/2024; tăng 3,24% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân năm tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,21% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,10%.

- Chỉ số giá vàng tháng 5/2025 tăng 10,47% so với tháng trước; tăng 45,95% so với cùng kỳ năm trước; tăng 35,25% so với tháng 12/2024; bình quân năm tháng đầu năm 2025 tăng 35,37%.

- Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 5/2025 tăng 0,68% so với tháng trước; tăng 2,69% so với cùng kỳ năm trước; tăng 2,59% so với tháng 12/2024; bình quân năm tháng đầu năm 2025 tăng 3,35%.

d) Vận tải hành khách và hàng hóa

Vận tải hành khách tháng 5/2025 ước đạt 429,2 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 25,1 tỷ lượt khách.km, tăng 17,4%. Tính chung năm tháng đầu năm 2025, vận tải hành khách ước đạt 2.255,2 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển đạt 125,5 tỷ lượt khách.km, tăng 13,2%.

Vận tải hàng hóa tháng 5/2025 ước đạt 247,7 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 48,5 tỷ tấn.km, tăng 14,1%. Tính chung năm tháng đầu năm 2025, vận tải hàng hóa ước đạt 1.196,2 triệu tấn vận chuyển, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 237,6 tỷ tấn.km, tăng 12,1%.

đ) Khách quốc tế đến Việt Nam

Chính sách thị thực thuận lợi, các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch được đẩy mạnh cùng với các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn của dân tộc đã thu hút khách quốc tế đến Việt Nam ngày càng tăng. Trong tháng 5/2025, khách quốc tế đến nước ta đạt 1,53 triệu lượt người, giảm 7,6% so với tháng trước và tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm tháng đầu năm 2025, khách quốc tế đến Việt Nam đạt 9,2 triệu lượt người, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm trước

7. Một số tình hình xã hội

- Trong tháng Năm, tình hình đời sống dân cư tiếp tục được cải thiện. Theo kết quả sơ bộ Điều tra lao động việc làm, tỷ lệ hộ đánh giá có thu nhập tháng Năm không thay đổi và tăng lên so với tháng cùng kỳ năm trước là 97,1%; tỷ lệ hộ đánh giá có thu nhập giảm là 2,9%. Công tác bảo đảm an sinh xã hội luôn được các cấp, ngành thực hiện kịp thời, thiết thực. Tính từ đầu năm đến nay, Chính phủ đã hỗ trợ cho người dân 10,3 nghìn tấn gạo, trong đó: Hỗ trợ 6 nghìn tấn gạo cứu đói nhân dịp Tết Nguyên đán cho 402,6 nghìn nhân khẩu; hỗ trợ 4,3 nghìn tấn gạo cứu đói giáp hạt năm 2025 cho 284,5 nghìn nhân khẩu.

- Tính chung năm tháng đầu năm 2025, cả nước có 103,4 nghìn trường hợp sốt phát ban nghi sởi (11 người tử vong); gần 26,0 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (05 người tử vong); 18,1 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 111 trường hợp viêm não vi rút (01 người tử vong); 33 trường hợp tử vong do bệnh dại; 21 trường hợp viêm màng não do não mô cầu; 01 trường hợp cúm A. Tình hình dịch Covid-19 đang bùng phát trở lại trên toàn thế giới. Ở Việt Nam, trong tháng 5/2025, cả nước có 199 trường hợp mắc, tính từ đầu năm đến nay có 279 trường hợp mắc, không có người tử vong.

Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng 5/2025 xảy ra 04 vụ ngộ độc thực phẩm làm 54 người bị ngộ độc (01 người tử vong). Tính chung năm tháng đầu năm 2025 (từ 18/12/2024 - 17/5/2025), cả nước xảy ra 26 vụ với 347 người bị ngộ độc (10 người tử vong).

- Về văn hóa, Đại lễ Vesak Liên hợp quốc 2025 - sự kiện văn hóa, tâm linh và học thuật lớn nhất của Phật giáo toàn cầu chính thức diễn ra tại Học viện Phật giáo Việt Nam từ ngày 06 - 08/5/2025 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nhân dịp kỷ niệm 135 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2025), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng một số địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa có ý nghĩa tưởng nhớ công ơn của Chủ tịch Hồ Chí Minh⁽⁷⁾.

⁽⁷⁾ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cùng các địa phương tổ chức Triển lãm đặc biệt với chủ đề “Hồ Chí Minh đẹp nhất tên Người” từ ngày 16 - 20/5/2025; chương trình nghệ thuật đặc biệt “Quả tháng 5 dâng Người” tại Nhà hát lớn Hà Nội ngày 14/5/2025; chương trình nghệ thuật đặc biệt “Người là Hồ Chí Minh” tại Quảng trường Ba Đình ngày 18/5/2025; Bảo tàng Hồ Chí Minh tổ chức khai mạc Triển lãm “Những tấm gương bình dị mà cao quý”; Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức khai mạc trưng bày chuyên đề “Hành trình theo chân Bác qua sưu tập tem và bưu ảnh”; lễ ra mắt sách “Hồ Chí Minh trong nghệ thuật tạo hình” diễn ra tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam ngày 17/5/2025.

Về phong trào thể thao quần chúng, trong tháng Năm, nhiều sự kiện thể thao quần chúng sôi nổi diễn ra trên khắp cả nước, thu hút đông đảo người dân, vận động viên tham gia⁽⁸⁾.

Về thể thao thành tích cao, Việt Nam đã tổ chức hoặc cử đội tuyển tham gia một số hoạt động thể thao diễn ra trong tháng Năm⁽⁹⁾, trong đó: Đội tuyển điền kinh Việt Nam tham gia giải điền kinh Hồng Công mở rộng 2025 diễn ra ngày 10 - 11/5/2025 và giành 04 huy chương vàng; đội tuyển Canoeing Việt Nam đạt thành tích ấn tượng: 01 huy chương vàng, 04 huy chương bạc và 01 huy chương đồng, xếp thứ 3 toàn đoàn tại Giải vô địch Canoe châu Á năm 2025 diễn ra tại Trung Quốc từ ngày 8 - 10/5/2025.

- Trong tháng Năm (từ 26/4 - 25/5/2025), cả nước xảy ra 1.468 vụ tai nạn giao thông. Tính chung năm tháng đầu năm 2025, trên địa bàn cả nước xảy ra 7.589 vụ tai nạn giao thông, làm chết 4.212 người và bị thương 5.150 người. Bình quân một ngày trong năm tháng đầu năm 2025, trên địa bàn cả nước xảy ra 50 vụ tai nạn giao thông, làm chết 28 người, bị thương 34 người.

- Thiệt hại do thiên tai trong tháng Năm chủ yếu do ảnh hưởng của mưa lũ, ngập lụt. Trong năm tháng đầu năm nay, thiên tai làm 40 người chết và mất tích, 38 người bị thương; 20,6 nghìn ha lúa và hoa màu bị hư hỏng; 3,4 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và hư hại; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 433,3 tỷ đồng, giảm 68,6% so với cùng kỳ năm 2024.

- Trong tháng Năm (từ 18/4 - 17/5/2025), các cơ quan chức năng phát hiện 1.279 vụ vi phạm môi trường. Tính chung năm tháng đầu năm nay phát hiện 7.512 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 6.769 vụ với tổng số tiền phạt 99,2 tỷ đồng, giảm 24,0% so với cùng kỳ năm trước.

- Tính chung năm tháng đầu năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 1.508 vụ cháy, nổ, làm 44 người chết và 53 người bị thương, thiệt hại ước tính 229,1 tỷ đồng, tăng 96,0% so với cùng kỳ năm trước.

II- BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG TỈNH

1. Về kinh tế

Trên cơ sở dự báo tình hình hạn, xâm nhập mặn mùa khô năm 2024 - 2025, Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, triển khai kế hoạch, kịch bản phòng, chống hạn, thiếu nước ngọt, xâm nhập mặn; đẩy nhanh tiến độ cải tạo, sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ sản xuất; tuyên truyền, vận động người

⁽⁸⁾ Giải Cầu lông các câu lạc bộ tỉnh Bình Định mở rộng từ ngày 02 - 04/5/2025 với 17 đội tham dự; giải đua xe đạp phong trào Ninh Thuận mở rộng 2025 với hơn 100 tay đua; giải bơi biển “Vượt sóng mùa hè Đà Nẵng 2025” tổ chức ngày 01/5/2025; đại hội thể thao sinh viên Việt Nam tại Saint Petersburg năm 2025 được tổ chức từ ngày 26/4 - 04/5/2025 với 9 đoàn vận động viên; giải bơi người khuyết tật Hà Nội mở rộng năm 2025 ngày 11/5 với gần 30 vận động viên tham gia; giải vô địch các lứa tuổi trẻ JuJitsu quốc gia 2025 từ ngày 10-20/5/2025 tại Bắc Ninh.

⁽⁹⁾ Việt Nam tham gia giải cờ châu Á khu vực 3.3 diễn ra tại Mông Cổ từ 23/4 - 01/5/2025; giải vô địch điền kinh châu Á 2025 từ ngày 27 - 31/5/2025 tại Hàn Quốc; giải vô địch Bóng rổ 3x3 U20 và U23 quốc gia với sự tham gia của gần 200 vận động viên diễn ra từ ngày 06 - 11/5/2025 tại Huế; Giải IRONMAN 70.3 Việt Nam 2025 diễn ra từ ngày 09 - 11/5/2025 tại Đà Nẵng; giải Đấu kiếm trẻ toàn quốc diễn ra từ ngày 21 - 30/5/2025 tại Thanh Hóa; giải bóng bàn vô địch quốc gia 2025 diễn ra từ ngày 19 - 26/5/2025 tại Đà Nẵng với hơn 200 vận động viên tham dự.

dân chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi, tuân thủ lịch thời vụ, không xuống giống ở những khu vực không bảo đảm nguồn nước ngọt phục vụ sản xuất; huy động các nguồn lực, triển khai đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt, hạn chế thấp nhất ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của người dân. Qua đó, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển. Tỉnh tổ chức Lễ khánh thành và đi vào vận hành Cổng Âu thuyền Rạch Mộp phục vụ sản xuất, sinh hoạt của người dân; qua đó, hạn chế thấp nhất thiệt hại tại các vùng có nguy cơ nhiễm mặn, thiếu nước sinh hoạt.

Vụ lúa Đông Xuân 2024 - 2025, toàn tỉnh xuống giống được 296.208 ha lúa, tăng 6,72% so cùng kỳ năm 2024; đã thu hoạch 192.259 ha, sản lượng 1,29 triệu tấn, giảm 2,51% so cùng kỳ (*do một số diện tích lúa vụ Đông Xuân sớm bị ảnh hưởng của đợt mưa trái vụ vào giữa tháng 12/2024 làm năng suất lúa giảm*); trong đó, tỷ lệ lúa đặc sản, chất lượng cao chiếm 94,91%. Diện tích gieo trồng màu, cây công nghiệp ngắn ngày được 30.333 ha⁽¹⁰⁾, tăng 2,73% so cùng kỳ năm 2024; diện tích cây ăn trái hiện có 29.151 ha, tăng 1,51% so cùng kỳ.

Chăn nuôi tiếp tục được duy trì và phát triển; triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh. Tổng đàn gia súc hiện có là 246.244 con⁽¹¹⁾, tăng 1,97% so cùng kỳ năm 2024; tổng đàn gia cầm có 6,87 triệu con, tăng 3,3% so cùng kỳ; phát hiện 02 ổ dịch tả heo Châu Phi (huyện Mỹ Tú, huyện Trần Đề), ngành chức năng kịp thời xử lý, không để lây lan. Tình hình tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi khá thuận lợi, giá một số sản phẩm chăn nuôi tăng so cùng kỳ.

Tiếp tục triển khai các giải pháp phát triển nuôi trồng thủy sản. Toàn tỉnh thả nuôi 23.769 ha thủy sản các loại, tăng 4,09% so cùng kỳ năm 2024; trong đó, diện tích nuôi tôm nước lợ 16.019 ha (tăng 3,59% so cùng kỳ), cá các loại và thủy sản khác 7.750 ha (tăng 5,14%). Tổng sản lượng thủy hải sản 94.034 tấn, tăng 7,42% so cùng kỳ; trong đó, sản lượng nuôi trồng 65.540 tấn (tăng 7,45% so cùng kỳ), sản lượng khai thác 28.494 tấn (tăng 7,37% so cùng kỳ). Tính đến ngày 15/5/2025, diện tích nuôi tôm bị thiệt hại là 344 ha, chiếm 2,14% tổng diện tích thả nuôi (cùng kỳ năm 2024 là 2,87%), nguyên nhân thiệt hại do môi trường, bệnh đốm trắng, phân trắng, hoại tử gan tụy. Giá tôm nguyên liệu (tôm thẻ chân trắng) tăng từ 22.000-30.000 đồng/kg so cùng kỳ năm 2024.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được quan tâm triển khai thực hiện. Các cấp, các ngành đẩy mạnh phát động Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; tuyên truyền Hội thi ảnh đẹp Nông thôn mới năm 2025. Toàn tỉnh có 75/80 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (chỉ tiêu Nghị quyết đến cuối năm duy trì, nâng chất 75 xã đạt chuẩn nông thôn mới); trong đó, có 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, có 05 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây

⁽¹⁰⁾ Trong đó, hành tím 6.880 ha, với sản lượng 108.851 tấn (tăng 1,58% so cùng kỳ); mía 3.848 ha, với sản lượng 291.179 tấn (tăng 2,29% so cùng kỳ).

⁽¹¹⁾ Trong đó, đàn heo 179.800 con (tăng 2,99% so cùng kỳ), đàn bò 52.765 con (giảm 1,02% so cùng kỳ), đàn trâu 2.536 con (tăng 0,12% so cùng kỳ), đàn dê 12.143 con (tăng 0,67% so cùng kỳ).

dựng nông thôn mới. Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tiếp tục được triển khai thực hiện tốt; tổ chức thành công “Phiên chợ nông sản an toàn chất lượng” lần thứ IV năm 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý đất đai, công tác thẩm định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công tác xác định giá đất và giải phóng mặt bằng.

Trong 5 tháng đầu năm 2025, Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 7% so cùng kỳ năm 2024; trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,55% so cùng kỳ. Tỉnh Sóc Trăng đã tổ chức Lễ khánh thành Cụm công nghiệp Xây Đá B, dự kiến khi đi vào hoạt động sẽ tạo việc làm cho khoảng 10.000 lao động. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội ước đạt 52.012 tỷ đồng, đạt 47,28% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng 23,03% so cùng kỳ; trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 32.997 tỷ đồng, đạt 47,14% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng 25,59%. Giá trị xuất khẩu ước đạt 700 triệu USD, giảm 5,56% so cùng kỳ; trong đó, mặt hàng thủy sản ước đạt 390 triệu USD (tăng 6,53% so cùng kỳ), mặt hàng may mặc ước đạt 45 triệu USD (tăng 10,31% so cùng kỳ), riêng mặt hàng gạo ước đạt 264 triệu USD (giảm 19,97% so cùng kỳ). Giá trị nhập khẩu ước đạt 110 triệu USD, tăng 37,50% so cùng kỳ. Tổng lượt khách du lịch đến tỉnh đạt hơn 1,65 triệu lượt khách (khách quốc tế là 30.320 lượt khách), tăng 11% so cùng kỳ; tổng doanh thu từ du lịch đạt 1.080 tỷ 127 triệu đồng, tăng 36,7% so cùng kỳ. Vận chuyển hành khách đạt 14,72 triệu lượt hành khách, tăng 18,52% so cùng kỳ; sản lượng vận chuyển hàng hoá đạt 28,70 triệu tấn, tăng 9,97% so cùng kỳ.

Từ đầu năm đến nay, tỉnh đã tư vấn cho 40 lượt nhà đầu tư, doanh nghiệp về trình tự, thủ tục hồ sơ thực hiện dự án, cung cấp thông tin liên quan dự án được nhà đầu tư quan tâm; cấp mới chủ trương đầu tư đối với 02 dự án (nhà đầu tư trong nước), với tổng vốn đăng ký 13,95 tỷ đồng. Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã tổ chức buổi họp mặt, đối thoại doanh nghiệp đầu năm 2025 với sự tham dự của hơn 180 đại biểu, trong đó có 130 đại biểu đại diện các nhà đầu tư, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký đầu tư cho hơn 40 lượt doanh nghiệp, nhà đầu tư trực tiếp và trực tuyến từ xa.

Tình hình phát triển doanh nghiệp trong 5 tháng đầu năm 2025, tổng số doanh nghiệp gia nhập thị trường là 225 doanh nghiệp⁽¹²⁾, tăng 12,5% so cùng kỳ; tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 160 doanh nghiệp⁽¹³⁾, tăng 14,29% so cùng kỳ. Tính đến nay, toàn tỉnh hiện có 3.745 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký là 46.073 tỷ đồng.

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh 5 tháng đầu năm 2025 ước đạt 2.812 tỷ 201 triệu đồng, đạt 45,88% so dự toán năm 2025, tăng 14,40% so cùng kỳ.

⁽¹²⁾ Có 176 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới (tăng 9,32% so cùng kỳ), với tổng vốn đăng ký 1.696,78 tỷ đồng (tăng 148,42% so cùng kỳ); có 49 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 25,64% so cùng kỳ).

⁽¹³⁾ Có 45 doanh nghiệp giải thể (tăng 18,42% so cùng kỳ); có 115 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động (tăng 12,75% so cùng kỳ).

Tổng chi ngân sách địa phương là 7.706 tỷ 872 triệu đồng, đạt 39,96% so dự toán năm 2025.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của tỉnh Sóc Trăng đến thời điểm báo cáo là 9.625 tỷ 556 triệu đồng; trong đó, kế hoạch vốn năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ giao là 8.957 tỷ 061 triệu đồng (gồm vốn ngân sách Trung ương 5.460 tỷ 991 triệu đồng và vốn ngân sách địa phương 3.496 tỷ 070 triệu đồng), tính đến ngày 30/4/2025, tỉnh đã phân bổ được 8.893 tỷ 674 triệu đồng; kế hoạch vốn năm 2025 tỉnh giao bổ sung là 58 tỷ 107 triệu đồng; kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài là 610 tỷ 388 triệu đồng. Về kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (tính đến ngày 15/5/2025): Kế hoạch vốn năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ giao giải ngân đạt 13,02% kế hoạch⁽¹⁴⁾; kế hoạch vốn năm 2025 tỉnh giao bổ sung giải ngân đạt 3,03% kế hoạch; kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài giải ngân đạt 8,64%.

2. Về văn hoá - xã hội

Lĩnh vực văn hoá - xã hội tiếp tục chuyển biến tích cực. Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức đa dạng các hoạt động văn hoá, nghệ thuật phục vụ nhân dân trong tỉnh và các ngày lễ, sự kiện quan trọng⁽¹⁵⁾. Tiếp tục quan tâm đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao; tổ chức tuyển chọn và cử đoàn vận động viên tham dự các giải vô địch quốc gia năm 2025. Tổ chức thành công 07 giải, hội thao, hội diễn⁽¹⁶⁾; tham dự 06 giải thể thao trong hệ thống thi đấu quốc gia, kết quả đạt 37 huy chương: 06 HCV, 07 HCB, 24 HCD, vượt chỉ tiêu 16 HCD⁽¹⁷⁾. Ngoài ra, tham dự giải Vô địch Kurash bãi biển quốc gia năm 2025 (giải ngoài Kế hoạch) tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, kết quả đạt 06 huy chương: 03 HCB, 03 HCD.

⁽¹⁴⁾ Trong đó: Ngân sách Trung ương giải ngân đạt 14,46% kế hoạch. Riêng vốn nguồn ngân sách Trung ương (vốn trong nước) thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giải ngân đạt 38,88% kế hoạch. Ngân sách địa phương giải ngân đạt 10,78% kế hoạch.

⁽¹⁵⁾ Chương trình văn nghệ chào mừng kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2025); Triển lãm ảnh chuyên đề “Đảng Cộng sản Việt Nam - bản lĩnh, trí tuệ, uy tín, đổi mới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”; Hội diễn Sân - Võ thuật, Chương trình văn nghệ đặc biệt đón giao thừa và các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân Ất Tỵ năm 2025; các hoạt động văn hoá nghệ thuật được tổ chức đa dạng phục vụ nhân dân vào dịp Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2025) và Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây; tổ chức triển lãm tranh, ảnh nhân Kỷ niệm 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2025) với chủ đề “Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hoá thế giới” tại Đền thờ Bác Hồ (xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung)...

⁽¹⁶⁾ gồm: Hội diễn Sân - Võ thuật Xuân Ất Tỵ năm 2025 tại Quảng trường Khu Đô thị 5A, Phường 4, thành phố Sóc Trăng; giải Vô địch Bóng chuyền năm 2025 tại huyện Mỹ Tú; giải Vô địch các Câu lạc bộ Bì sắt tại huyện Kế Sách; Hội thao ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng năm 2025 tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh; giải Vô địch Taekwondo tại huyện Châu Thành; giải Vô địch Võ cổ truyền và Vovinam tại huyện Châu Thành; giải Vô địch các CLB Thể dục Dưỡng sinh tại huyện Mỹ Tú.

⁽¹⁷⁾ Tham dự giải Vô địch các Câu lạc bộ Cầu mây quốc gia tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, kết quả đạt 06 huy chương: 01 HCV, 02 HCB, 03 HCD, vượt chỉ tiêu 01 HCB, 02 HCD; tham dự giải Vô địch Petanque quốc gia tại tỉnh Đồng Tháp, kết quả đạt 05 huy chương: 01 HCB, 04 HCD; tham dự giải Vô địch Judo quốc gia tại tỉnh Đồng Tháp, kết quả đạt 11 huy chương: 01 HCV, 10 HCD; tham dự giải Vô địch Cầu mây quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả đạt 10 huy chương: 02 HCV, 02 HCB, 06 HCD, vượt chỉ tiêu 07 huy chương: 01 HCV, 01 HCB, 05 HCD; tham dự giải Vô địch Bóng rổ (5x5) và (3x3) quốc gia tại Thành phố Cần Thơ, kết quả đạt 02 huy chương: 01 HCV, 01 HCD; tham dự giải Vô địch Bóng rổ 3x3 U20 và U23 quốc gia tại tỉnh Thừa Thiên Huế, kết quả, đạt 03 huy chương: 01 HCV, 02 HCB, vượt chỉ tiêu 01 HCV.

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm thực hiện, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; giải quyết cơ bản tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục. Các nhiệm vụ chuyên ngành được tích cực triển khai thực hiện⁽¹⁸⁾; tổ chức thành công thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông năm học 2025-2026; chuẩn bị chu đáo các điều kiện để tổ chức Kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”. Tính đến tháng 5/2025, toàn tỉnh có 390/458 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 85,15%, đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết (chỉ tiêu Nghị quyết là 85,15%).

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, đồng bào vùng dân tộc, vùng xa, vùng khó khăn tiếp tục được quan tâm thực hiện tốt. Tiếp tục duy trì, triển khai thực hiện công tác tiêm chủng tại các tuyến và giám sát các bệnh truyền nhiễm trong chương trình tiêm chủng mở rộng. Công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường, tuyệt đối không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác với tình hình dịch bệnh. Số ca mắc Sốt xuất huyết, Tay chân miệng và một số bệnh truyền nhiễm lưu hành khác cơ bản được kiểm soát, có xu hướng giảm so cùng kỳ⁽¹⁹⁾. Tính đến ngày 14/5/2025, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100,53% dân số (chỉ tiêu Nghị quyết là 96,50%); tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi đạt 43,99% (chỉ tiêu Nghị quyết là 45,01%).

Chất lượng công tác giáo dục nghề nghiệp và tư vấn việc làm được nâng lên; trong 5 tháng đầu năm 2025, toàn tỉnh đã tạo việc làm cho 8.675 lao động, trong đó đưa 77 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; cấp 9 giấy phép lao động người nước ngoài làm việc tại tỉnh; tư vấn việc làm trong nước, ngoài nước và du học nghề cho 4.012 lượt lao động.

Tình hình triển khai chính sách dân tộc được quan tâm thực hiện và hỗ trợ kịp thời, cùng với các chính sách an sinh xã hội khác đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc thiểu số tiếp tục được giữ vững, ổn định. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách người có công trên địa bàn tỉnh. Tính đến ngày 25/5/2025, tỉnh đã triển khai thực hiện xây dựng được 8.765/8.917 căn nhà, đạt 98,30% kế hoạch; trong đó, đã xây dựng hoàn thành được 7.479 căn (xây mới 5.678 căn, sửa chữa 1.801 căn), đạt 83,87% kế hoạch. Qua đó, đã hoàn thành chỉ tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát cho gia đình người có công với cách mạng và gia

⁽¹⁸⁾ Hội thảo “Giáo dục STEM - Khơi nguồn sáng tạo cấp tiểu học góp phần thực hiện mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông 2018, khu vực đồng bằng sông Cửu Long năm học 2024 - 2025”; Kỳ thi chọn học sinh giỏi tỉnh cấp trung học cơ sở (có 614 học sinh tham dự với 11 môn thi) và cấp trung học phổ thông (đạt 28 giải) năm học 2024 - 2025; Giải Điền kinh, Bơi và Bóng rổ cho học sinh phổ thông cấp tỉnh năm học 2024 - 2025; Hội thảo Hiệu trưởng 4.0 “Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học và quản lý giáo dục”; Tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi trung học phổ thông cấp tỉnh; tổ chức tập huấn ứng dụng AI trong hoạt động dạy học cho giáo viên các cấp học trong các cơ sở giáo dục;...

⁽¹⁹⁾ Toàn tỉnh ghi nhận 357 trường hợp mắc Sốt xuất huyết, giảm 10,5% so cùng kỳ; ghi nhận 436 trường hợp mắc Tay chân miệng, giảm 1,4% so cùng kỳ; phát hiện, giám sát 1.369 trường hợp sốt phát ban nghi Sởi, tăng 1.358 trường hợp so cùng kỳ, đến nay tích lũy ghi nhận 49 mẫu xét nghiệm có kết quả dương tính; ghi nhận 01 trường hợp mắc Liên cầu lợn ở người; ghi nhận 01 trường hợp ho gà.

đình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Công tác cải cách hành chính được các cấp, các ngành tiếp tục quan tâm thực hiện. Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của tỉnh Sóc Trăng năm 2024 đạt 45,19 điểm, thuộc nhóm cao nhất (xếp hạng 10/61 các tỉnh, thành phố⁽²⁰⁾ trong cả nước, xếp thứ nhất khu vực Đồng bằng sông Cửu Long⁽²¹⁾). Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Sóc Trăng năm 2024 đạt 66,95 điểm (xếp hạng 42/63 các tỉnh, thành phố trong cả nước, xếp thứ 9/13 tỉnh, thành khu vực Đồng bằng sông Cửu Long)⁽²²⁾.

Tỉnh triển khai lấy ý kiến nhân dân, cử tri và báo cáo kết quả lấy ý kiến về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã của tỉnh Sóc Trăng bảo đảm theo quy định; trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã của tỉnh Sóc Trăng; xây dựng, trình cấp có thẩm quyền thông qua Đề án tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; đặc biệt hoàn chỉnh hồ sơ Đề án sắp xếp sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sóc Trăng báo cáo Bộ Nội vụ trước thời gian quy định. Ngoài ra, thực hiện tốt công tác phối hợp, cung cấp kịp thời thông tin, số liệu có liên quan giữa các tỉnh, thành phố (tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang và thành phố Cần Thơ) để phục vụ tham mưu, xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã;... theo quy định.

Công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chuyển đổi số được quan tâm đẩy mạnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình số 67-CTr/TU, ngày 13/02/2025 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; thành lập Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chuyển đổi số và thông qua Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo. Trong 5 tháng đầu năm 2025, toàn tỉnh đã tiếp nhận và xử lý 167.973 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó tiếp nhận trực tuyến là 102.770 hồ sơ, đạt tỷ lệ 61,18% so với tổng số hồ sơ tiếp nhận; tính đến nay, toàn tỉnh đã cấp 5.770 chữ ký số cho các tổ chức, cá nhân phục vụ trao đổi liên thông văn bản điện tử; tiếp tục duy trì, vận hành, giám sát và bảo đảm an toàn thông tin cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu, Trung tâm Giám sát điều hành tỉnh và các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

⁽²⁰⁾- Có 02 tỉnh không xếp hạng: Tiền Giang, Vĩnh Phúc.

⁽²¹⁾- So với năm 2023, giảm 0,43 điểm, giảm 06 bậc xếp hạng các tỉnh, thành phố trong cả nước và giữ nguyên vị trí thứ nhất khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

⁽²²⁾- So với năm 2023, tăng 0,98 điểm, giảm 02 bậc xếp hạng các tỉnh, thành phố trong cả nước và tương đương xếp hạng khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

CHUYÊN ĐỀ 4

THỰC TRẠNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG TRONG THỜI GIAN TỚI

I- BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG: NGUYÊN NHÂN VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRÁNH

Tình trạng bạo lực học đường hiện nay có chiều hướng gia tăng và diễn biến hết sức phức tạp. Vấn nạn bạo lực học đường đã trở thành tin tức gây nhức nhối của ngành giáo dục và toàn xã hội. Bạo lực học đường hiện nay đang trở thành điểm nóng đáng được quan tâm của nhiều phụ huynh, thầy cô và nhà trường, là nỗi trăn trở của toàn xã hội.

Hiện tượng bạo lực không phải là hiện tượng mới, song thời gian gần đây hiện tượng này xảy ra liên tục hơn trong các trường học bộc lộ tính chất nguy hiểm và nghiêm trọng hơn. Điều đáng lo ngại là lý do dẫn đến bạo lực đôi khi rất đơn giản như va chạm trong lúc chơi đùa, trên đường đi học, mâu thuẫn nói xấu nhau trên các diễn đàn, mạng xã hội,...

Theo số liệu được Bộ Giáo dục và Đào tạo⁽²³⁾, trong một năm học, toàn quốc xảy ra gần 1.600 vụ việc học sinh đánh nhau ở trong và ngoài trường học (khoảng 5 vụ/ngày). Cứ khoảng trên 5.200 học sinh thì có một vụ đánh nhau; cứ hơn 11.000 học sinh thì có một em bị buộc thôi học vì đánh nhau; cứ 9 trường thì có một trường có học sinh đánh nhau. Đáng lo ngại hơn, theo thống kê của Bộ Công an mỗi tháng có hơn 1.000 thanh thiếu niên phạm tội.

Những số liệu đó thực sự trở thành hồi chuông cảnh báo cho các gia đình, nhà trường và xã hội, cần quan tâm và có biện pháp thích hợp để đẩy lùi vấn nạn này.

Do đó việc tuyên truyền về thực trạng đáng báo động của bạo lực học đường, là hết sức cần thiết và thiết thực.

1. Khái niệm

Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý, đạo lý, xúc phạm trấn áp người khác gây nên những tổn thương về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học.

Bạo lực học đường bao gồm các hành vi bạo lực về thể chất, gồm đánh nhau giữa các học sinh hoặc các hình phạt thể chất của nhà trường; bạo lực tinh thần, bao gồm cả việc tấn công bằng lời nói; bạo lực tình dục, bao gồm hiếp dâm và quấy rối tình dục; các dạng bắt nạt bạn học; và mang vũ khí đến trường.

2. Thực trạng

⁽²³⁾- Bài viết “Bạo lực học đường: Nguyên nhân và biện pháp phòng tránh” được đăng trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế ngày 08/9/2022

Tình trạng bạo lực trong trường học đã và đang diễn ra nóng bỏng trên khắp thế giới ở tất cả những cấp học, lớp học khác nhau. Bạo lực học đường không chỉ xảy ra ở học sinh nam mà còn cả ở học sinh nữ; không chỉ giữa học sinh với học sinh mà còn có bạo lực giữa học sinh với giáo viên và giáo viên với học sinh.

3. Hậu quả

a) Ảnh hưởng đến bản thân học sinh

Gây ra những hậu quả nghiêm trọng về mặt thể chất. Tội tệ hơn khi không ít vụ bạo lực đã cướp đi sinh mạng của những học sinh vô tội để lại sự thiệt thòi, đau đớn không chỉ về mặt thể chất mà cả tinh thần cho học sinh và gia đình.

Những học sinh bị bạo lực, nhất là bạo lực về tinh thần, bạo lực ngôn ngữ thường cảm thấy bị tổn thương, chán nản, lo âu, cô đơn, suy sụp... Sự sợ hãi hoặc nổi ám ảnh. Thậm chí, tình trạng này có thể kéo dài suốt cuộc đời. Các em không dám ra ngoài chơi hoặc đến trường, không thể tập trung vào học hành.

Kể cả những em chỉ chứng kiến chứ không tham gia hành vi bạo lực cũng bị ảnh hưởng. Chứng kiến những hành vi bạo lực khiến các em cảm thấy sợ hãi, và nếu thấy những kẻ gây ra bạo lực không bị trừng trị thì những em chứng kiến cũng có thể hòa theo số đông, ủng hộ hành vi này, và có nhiều khả năng trở thành kẻ có hành vi bạo lực trong tương lai.

Những hậu quả mà bạo lực học đường gây ra kể cả thể chất hay tinh thần cũng đều trực tiếp ảnh hưởng đến công việc học tập cũng như tương lai của học sinh nếu không được can thiệp kịp thời.

Với những ảnh hưởng về mặt sức khỏe cùng với tâm lý lo lắng, căng thẳng, sợ hãi, học sinh không thể học tập với kết quả tốt nhất có thể. Thậm chí, sự căng thẳng quá mức về mặt tâm lý có thể buộc học sinh kết thúc việc học của mình, hoặc cũng có thể vì gây ra hành vi bạo lực mà học sinh phải nhận kỷ luật đuổi học. Từ đó, tương lai của các em rẽ sang một bước ngoặt khác không mấy khả quan.

Đặc biệt, những đứa trẻ có hành vi bạo lực, lạm dụng quyền hành từ khi còn nhỏ, khi lớn lên có thể mắc phải những hành vi tội ác nhiều hơn những đứa trẻ khác. Trẻ em liên lụy vào hành vi bạo lực dù ở vai trò này hay vai trò kia cũng đều có nguy cơ lạm dụng rượu, thuốc lá, và các loại ma túy.

b) Ảnh hưởng đến gia đình

Không khí và cuộc sống gia đình bị xáo trộn, căng thẳng, lo lắng.

c) Ảnh hưởng đến nhà trường

Hành vi bạo lực không chỉ tác động xấu đến nạn nhân mà còn khiến không khí trường học trở nên nặng nề, căng thẳng với nỗi sợ hãi, bất an luôn bao trùm.

Ngoài ra, những hành vi bạo lực học đường của học sinh sẽ trở thành nỗi bất an của phụ huynh khi gửi con em mình đến trường, làm mất đi ý nghĩa của môi trường giáo dục lành mạnh trong sáng.

d) Ảnh hưởng đến xã hội

Ảnh hưởng đến những nét văn hóa truyền thống, những chuẩn mực đạo đức quý giá: Giờ đây có những học trò ngang nhiên cãi lại thầy, cô giáo. Con cái cãi lại bố mẹ.

Bạn bè đánh đấm, xảy ra khá thường xuyên. Chính những hành động ấy đã càng làm lu mờ những nét văn hóa truyền thống của xã hội, thể hiện một sự suy đồi về mặt đạo đức và sự sai lệch về mặt hành vi một cách đáng báo động làm mất trật tự xã hội.

4. Cách phòng tránh bạo lực học đường

a) Đối với học sinh

- Tích cực rèn luyện kỹ năng sống, học cách kiềm chế cảm xúc, ngoan ngoãn, lễ phép với ông bà, bố mẹ, với thầy cô giáo.
- Tích cực tham gia vào các hoạt động tình nguyện mà nhà trường tổ chức và nghiêm chỉnh chấp hành tốt nội quy trường lớp.
- Cần phải nhận thức rõ các hành vi bạo lực, tránh xa bạo lực và nói không với bạo lực.
- Nếu thấy hiện tượng bạo lực phải kịp thời báo ngay cho nhà trường, thầy cô giáo hoặc cơ quan có thẩm quyền để kịp thời can thiệp và xử lý.

b) Đối với nhà trường và các cơ quan quản lý giáo dục

- Nhà trường và các cơ quan quản lý giáo dục nên thường xuyên tổ chức các hoạt động mang tính hướng thiện và định hướng nhân cách cho học sinh, giúp học sinh phát huy những đức tính tốt đẹp trong bản thân.
- Có hình phạt và cách giáo dục nghiêm khắc, phù hợp đối với những học sinh gây ra bạo lực và có biện pháp hỗ trợ kịp thời đối với nạn nhân của các vụ bạo lực.
- Tổ chức các hoạt động truyền thông, phối hợp với gia đình và cơ quan, đoàn thể đóng để phòng tránh bạo lực học đường.

c) Đối với giáo viên

- Thường xuyên quan tâm, theo dõi và nắm bắt tình hình của các em học sinh trong lớp.
- Phối hợp với gia đình và nhà trường để quan tâm và hỗ trợ kịp thời những khó khăn của học sinh.
- Có biện pháp can ngăn, giáo dục kịp thời đối với hiện tượng có nguy cơ dẫn đến bạo lực học đường.
- Tích cực tổ chức các hoạt động tập thể nhằm tăng cường tình cảm của các em học sinh trong cùng lớp, cùng trường, tạo môi trường học tập và giảng dạy lành mạnh.

d) Đối với gia đình

- Bố mẹ cần tạo ra một môi trường sống lành mạnh, yêu thương cho con cái.

- Đồng thời phối hợp chặt chẽ với nhà trường và giáo viên chủ nhiệm để kịp thời nắm bắt tình hình học tập của con em mình tại trường học.

II- CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA VÀ ĐẨY LÙI BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG ĐƯỢC BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN QUA

1. Tiếp tục quán triệt và chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, có kiểm tra và đánh giá các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030”, Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 -2025”; đồng thời ban hành các thông tư, chương trình, kế hoạch theo từng giai đoạn, từng năm đề hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong toàn ngành Giáo dục.

2. Lồng ghép tích hợp các nội dung về giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng sống vào các môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong các môn Giáo dục công dân, Tự nhiên và Xã hội, hoạt động trải nghiệm và các môn học khác.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng “Cẩm nang pháp luật và kỹ năng về phòng, chống bạo lực học đường và xâm hại tình dục” dành cho các cơ sở giáo dục phổ thông; Sổ tay an ninh trật tự, an toàn trường học; Tài liệu hướng dẫn xử lý tình huống mâu thuẫn trong học sinh phổ thông và nhiều tài liệu hướng dẫn khác.

Trong thời gian tới, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục xây dựng, triển khai Sổ tay “Hướng dẫn sử dụng mạng xã hội an toàn cho học sinh”, Tài liệu tuyên truyền cho gia đình học sinh về ứng xử văn hóa, hướng dẫn công tác phối hợp, chia sẻ thông tin về phòng ngừa bạo lực học đường, Sổ tay hướng dẫn tư vấn tâm lý cho học sinh phổ thông, Sổ tay thực hành công tác xã hội trường học,...

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo thường xuyên phối hợp với các bộ, ngành, tổ chức, đoàn thể ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố và chỉ đạo các sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các sở, ban, ngành, tổ chức ở địa phương trong việc tuyên truyền giáo dục pháp luật, bảo đảm an ninh, an toàn trường học, phòng, chống bạo lực học đường; giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật; kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực học đường cho học sinh; tăng cường triển khai hoạt động công tác xã hội và tư vấn tâm lý học đường trong việc phòng ngừa và tư vấn, hỗ trợ cho học sinh liên quan đến bạo lực học đường.

Phối hợp, phát huy mạnh mẽ vai trò của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh trong trường học để xây dựng môi trường giáo dục nền nếp, kỷ cương và tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh (kỹ năng tự bảo vệ bản thân, kỹ năng phòng, chống xâm hại, bạo lực học đường,...).

Phối hợp với Bộ Tư pháp hướng dẫn việc thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.

Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội⁽²⁴⁾ về phòng, chống bạo lực và xâm hại trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đến năm 2025.

Phối hợp với Bộ Công an hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác trong ngành Giáo dục.

4. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng trường học dân chủ, an toàn, lành mạnh, thân thiện. Xây dựng và triển khai bộ Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục, bảo đảm các giá trị cốt lõi: nhân ái, tôn trọng, trách nhiệm, hợp tác, trung thực trong mối quan hệ của mỗi thành viên trong cơ sở giáo dục đối với người khác, đối với môi trường xung quanh và đối với chính mình. Phát triển các câu lạc bộ phù hợp với năng khiếu, sở thích, điều kiện và lứa tuổi học sinh. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động thể thao, hoạt động xã hội để hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh.

5. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong quản lý giáo dục học sinh; phát huy vai trò của gia đình trong quản lý giáo dục học sinh. Thường xuyên thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình học sinh về hoạt động của nhà trường, tình hình học tập, rèn luyện, các dấu hiệu bất thường để phối hợp triển khai các biện pháp giáo dục học sinh; Nhà trường hỗ trợ, cung cấp cho cha mẹ học sinh kiến thức, kỹ năng trong việc đồng hành, giáo dục giúp con tiến bộ.

6. Nâng cao năng lực, phẩm chất đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp giáo viên và yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới. Bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về đạo đức nhà giáo, tư vấn tâm lý, năng lực kiểm soát cảm xúc cá nhân và kỹ năng ứng xử, giải quyết các tình huống sư phạm.

7. Chỉ đạo, tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo về xây dựng và bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; phối hợp xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật và vi phạm đạo đức nhà giáo.

III- MỘT SỐ NHIỆM VỤ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG CẦN QUAN TÂM TRIỂN KHAI TẠI ĐỊA PHƯƠNG TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục duy trì hoạt động của Tổ công tác Chính trị, tư tưởng tại đơn vị. Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh thiếu niên.

2. Triển khai Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo quan tâm chỉ đạo các trường học trên địa bàn quản lý học sinh, kịp thời phát hiện các em học sinh có vấn đề có thể dẫn đến hành vi bạo

⁽²⁴⁾ Sau khi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hợp nhất với Bộ Nội vụ thành một bộ mới, với tên gọi là Bộ Nội vụ thì nội dung công tác này được chuyển giao về Bộ Y tế (BTC lớp).

lực, gây tổn hại, nguy hiểm đến các em để phối hợp giải quyết (nhất là phối hợp với phụ huynh các em để giải quyết).

Phát huy vai trò trách nhiệm của các tổ chức, đoàn thể, cá nhân (tổ chức Đoàn, Hội, Đội...) trong công tác nắm tình hình học sinh có biểu hiện giao lưu với các thanh thiếu niên xấu, hư hỏng bên ngoài để kịp thời có biện pháp quản lý, giáo dục, giải quyết kịp thời. Thường xuyên theo dõi để kịp thời phát hiện, trao đổi, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền vào cuộc, khẩn trương giải quyết không để xảy ra vụ việc bạo lực, gây tổn hại đối với học sinh trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, đạo đức, lối sống cho học sinh. Nhất là vấn đề giải quyết mâu thuẫn trong học đường, ý thức sử dụng mạng xã hội; thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ... về phòng, chống bạo lực học đường nhằm nâng cao nhận thức của học sinh về hậu quả của bạo lực học đường, kỹ năng để phòng, chống bạo lực học đường, văn hóa sử dụng mạng xã hội)...

Trên cơ sở hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo về công tác xây dựng kế hoạch phòng ngừa bạo lực học đường, các đơn vị chủ động khảo sát, đánh giá tình hình và xây dựng kế hoạch, quy chế phối hợp phòng ngừa các nguy cơ xảy ra bạo lực học đường tại đơn vị.

4. Các đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2019 - 2025” tại đơn vị theo Kế hoạch số 1617/KH-SGDĐT ngày 08/8/2019 của Sở. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện và triển khai thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trong các cơ sở giáo dục theo quy định tại Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và triển khai thực hiện đồng bộ quy tắc đã xây dựng.

5. Tiếp tục triển khai Thông tư số 31/2017/TT/BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh các trường phổ thông. Các cơ sở giáo dục tổ chức thành lập tổ tư vấn tâm lý, bố trí phòng, góc tư vấn, triển khai các hoạt động tư vấn phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Triển khai bộ tài liệu “Thực hành tâm lý học đường” dành cho học sinh tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo hướng lồng ghép các tiết sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ, tổ chức dạy học tích hợp các nội dung tư vấn cho học sinh trong các môn học chính khóa và hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Thực hiện đầy đủ 8 chủ đề, bài học (theo gợi ý phân phối và hướng dẫn giảng dạy đính kèm) theo Công văn số 286/SGDĐT-CTTT ngày 21/02/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Tăng cường phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan (cán bộ tư vấn tâm lý tại trung tâm y tế, cán bộ dân số hoặc các thầy cô giáo bộ môn Tâm lý của các trường Cao đẳng, Đại học), tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý cho học sinh trong các nhà trường, chú ý các trường hợp đặc biệt.

6. Phối hợp với Trường Cao đẳng nghề, trường Đại học làm tốt hơn nữa công tác tư vấn hướng nghiệp, công tác phân luồng học sinh sau THCS; thường xuyên cung cấp thông tin về thị trường lao động cần thiết để học sinh và cha mẹ học sinh nắm bắt được thông tin.

7. Phối hợp với Công an địa phương xây dựng và nhân rộng mô hình bảo đảm an ninh trật tự tại các điểm trường: Mô hình “5 không, 2 có”, “4 không”, “3 không”, “Camera an ninh học đường”,....

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thường xuyên phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế xây dựng, đăng tải các tin, bài có nội dung phù hợp để tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, người dân trên địa bàn phát huy trách nhiệm phối hợp quản lý, giáo dục học sinh; tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức cảnh giác của các em về tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật xâm nhập học đường, các vấn đề có thể dẫn đến bạo lực, gây tổn hại đối với các em học sinh.

9. Chính quyền địa phương cần tăng cường chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc quan tâm nắm tình hình, phối hợp các cơ sở giáo dục trên địa bàn giải quyết kịp thời các vấn đề, vụ việc nổi lên; thường xuyên thông tin, tuyên truyền về các nội dung liên quan phòng, chống xảy ra các vụ việc bạo lực, gây tổn hại đến học sinh các trường trên địa bàn.

CHUYÊN ĐỀ 5

NHIỆM VỤ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CỦA TỈNH SÓC TRĂNG NĂM HỌC 2025 - 2026

Năm học 2025-2026 tiếp tục đặt ra cho toàn ngành Giáo dục nhiều thách thức trong tình hình mới sau khi các tỉnh/thành phố, bộ, ngành thực hiện việc sáp nhập và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Năm học 2025-2026 sẽ tập trung vào việc nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới công tác quản lý và phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên. Đồng thời, tăng cường các hoạt động kiểm định chất lượng và chuẩn bị tốt cho các kỳ thi quan trọng như tốt nghiệp THPT.

Tiếp tục triển khai và thực hiện Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; tiếp tục triển khai mạnh mẽ, đồng bộ về Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, trong đó chỉ đạo tốt chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ, tập trung đầu tư, phát triển cơ sở vật chất trường, lớp học, trang thiết bị dạy và học; chỉ đạo tốt công tác đổi mới phương pháp dạy và học tạo chuyển biến, cảm hứng mạnh mẽ về chất lượng giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung chỉ đạo từng bước nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn.

Năm học 2025-2026, ngành Giáo dục cũng sẽ tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã được đề ra cho năm học 2024-2025, với mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới sáng tạo và đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục. Để đảm bảo duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục trong tình hình mới đòi hỏi toàn ngành chú trọng thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phân cấp quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục.

Năm 2025, cũng là năm tăng tốc, bứt phá, về đích, phấn đấu đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm 2021-2025 đối với giáo dục nghề nghiệp, trong đó: Phấn đấu đạt chỉ tiêu tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp; Tập trung vào đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy và tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; Đảm bảo tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt mục tiêu đề ra; Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm để đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục mới; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Chú trọng đến việc gắn kết với doanh nghiệp, tham gia vào quá trình đào tạo, và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên.

Thực hiện đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp của địa phương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhằm tạo đột phá về đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ, kỹ năng nghề đáp ứng nhu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của địa phương, của đất nước.

Theo đó, ngành Giáo dục cũng đặt ra những nhiệm vụ quan trọng, trọng tâm cụ thể sau:

1. Tiếp tục thể chế hoá các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

- Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28/11/2014 của Quốc hội về việc đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Nghị quyết số 51/2017/QH14, ngày 21/11/2017 của Quốc hội về việc điều chỉnh lộ trình thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

- Quyết định số 1705/QĐ-TTg, ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

- Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chương trình số 53-CTr/TU, ngày 26/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Sóc Trăng về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP, ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Quyết định số 475/QĐ-BLĐTBXH, ngày 26/02/2025 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2045.

- Nhiệm vụ năm học 2025-2026 của các cấp học và kế hoạch thời gian năm học theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

- Kế hoạch số 84/KH-UBND, ngày 01/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện xã hội hoá phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2018 - 2021, định hướng đến năm 2025.

- Kế hoạch số 494/KH-UBND, ngày 27/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sắp xếp mạng lưới trường lớp mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến năm học 2020-2021, định hướng đến năm 2030 gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia một cách hợp lý, hiệu quả.

- Kế hoạch số 30/KH-UBND, ngày 07/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Kế hoạch số 178/KH-UBND, ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28/02/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng thông qua Đề án Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Sóc Trăng đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 33/KH-UBND, ngày 23/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Đề án Phát triển hệ thống đánh giá diện rộng cấp quốc gia đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và hội nhập quốc tế của giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2024-2030.

- Nghị quyết số 188/NQ-HĐND, ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Kế hoạch số 53/KH-UBND, ngày 08/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Kế hoạch số 31/KH-UBND, ngày 11/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

3. Phối hợp với các cấp chính quyền, đoàn thể huy động trẻ em và học sinh ra lớp, tuyển sinh đối với giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là giáo dục mầm non để đạt chỉ tiêu giao, duy trì sĩ số ở cấp học phổ thông năm 2025 theo Nghị quyết số 137/NQ-HĐND, ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

4. Tiếp tục nâng cao chất lượng, chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp

Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục có đủ phẩm chất, năng lực để thực hiện việc đổi mới giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục rà soát chỉ tiêu biên chế và số lượng giáo viên hiện có để có giải pháp khắc phục kịp thời; nâng chuẩn giáo viên theo Đề án phát triển đội ngũ; thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp học và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tuyển dụng, quản lý, sử dụng hiệu quả chỉ tiêu biên chế giáo viên được giao, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nhất là giáo viên mầm non, giáo viên dạy các môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

5. Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục mầm non (GDMN), giáo dục phổ thông (GDPT) và giáo dục thường xuyên (GDTX)

- Tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDMN. Nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 - 2025”; tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch Đề án “Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020 định hướng đến 2025”; tiếp tục triển khai các Chuyên đề, Chương trình đổi mới, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tiến tới chuẩn bị các điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ em mẫu giáo. GDMN tập trung các giải pháp thực hiện chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, tôn trọng quyền trẻ em”.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với các cấp học. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, như về đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng đơn vị. Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá tích cực theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh. Chú trọng đổi mới công tác quản lý trường học theo hướng chủ động, linh hoạt của nhà trường; phát huy năng lực tự chủ, sáng tạo. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá tích cực theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đa dạng hoá các hình thức giáo dục, chú trọng các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học của học sinh; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy và học; thực hiện số hoá các hồ sơ sổ sách và sử dụng chữ ký số.

- Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và đáp ứng nhu cầu học tập của người dân tộc thiểu số, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các đối tượng chính sách khác. Tăng cường công tác quản lý giáo dục dân tộc; tập trung nâng cao chất lượng và rà soát thực trạng phát triển của hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú. Phát triển các phương thức giáo dục hoà nhập, chuyên biệt để đáp ứng quyền được học tập của người học là người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Triển khai thực hiện chương trình GDTX cấp THCS và cấp THPT chất lượng, hiệu quả; đa dạng hoá các chương trình giáo dục trong các cơ sở GDTX, đẩy mạnh học tập thường xuyên, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Tiếp tục triển khai hiệu quả kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

- Tiếp tục thực hiện Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị, trong đó, phấn đấu thực hiện thành công mô hình “Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ 2 trong trường phổ thông”.

- Tổ chức triển khai các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác thi và kiểm tra tình hình tổ chức thi tại các cơ sở giáo dục. Xây dựng phương án thi, chuẩn bị chu đáo và tổ chức tốt Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

6. Tăng cường công tác chính trị tư tưởng đối với cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh, sinh viên để tạo sự đoàn kết thống nhất trong toàn ngành; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thật sự gương mẫu, là tấm gương cho học sinh noi theo

Triển khai hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong trường học; tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các cơ sở giáo dục. Tập trung các giải pháp xây dựng văn hóa học đường; chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm; giáo dục pháp luật cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục. Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ trong trường học; công tác Đoàn, Hội, Đội về kỹ năng ứng xử trên mạng xã hội; phòng, chống bạo lực học đường, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh trật tự trường học; kỹ năng xử lý các tình huống có liên quan tới việc phát sinh bạo lực học đường. Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ em, học sinh, sinh viên.

Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, chính sách mới của ngành như Luật Nhà giáo, Luật Giáo dục...; việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; các hoạt động và các sự kiện lớn của ngành như: kỷ niệm 80 năm xây dựng và phát triển của ngành Giáo dục, Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, tổng kết đánh giá việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thí điểm Chương trình Giáo dục mầm non mới...

Tiếp tục triển khai Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030”; Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022 - 2030”; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hoá học đường và Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”.

7. Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh, tai nạn thương tích, tai nạn đuối nước, xâm hại trẻ em, đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Triển khai hiệu quả công tác giáo dục thể chất và y tế trường học; tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, an toàn vệ sinh thực phẩm, kết hợp hoạt động tăng cường thể lực cho học sinh; thực hiện đảm bảo công tác y tế trường học.

Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình “Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025”, Chương trình “Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025”, Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất, thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025; đẩy

manh các hoạt động thể thao học sinh gắn với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025 theo Quyết định số 522/QĐ-TTg, ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; nâng cao chất lượng tư vấn nghề, thực hiện kết hợp dạy văn hóa phổ thông với dạy nghề.

8. Đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và trong kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong toàn ngành, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và bộ phận một cửa, một cửa liên thông.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cải cách hành chính gắn với ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Tăng cường bổ sung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu sử dụng, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục; tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn, sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ số; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo.

- Xây dựng hệ thống báo cáo thống kê, cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục bảo đảm thông suốt, chính xác và đúng tiến độ theo quy định; tiếp tục tăng cường ứng dụng phương thức họp trực tuyến để tổ chức họp, hội nghị, hội thảo qua mạng; sử dụng có hiệu quả hệ thống quản lý hành chính điện tử, liên thông trao đổi văn bản điện tử giữa tất cả các cơ sở giáo dục với các cơ quan quản lý giáo dục.

9. Tăng cường công tác truyền thông

- Toàn ngành chú trọng công tác truyền thông nội bộ trong ngành Giáo dục, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên... Trong đó chú trọng triển khai hoạt động truyền thông đối với các nội dung, sự kiện lớn như: Dự án Luật Nhà giáo; Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; sơ kết 5 năm thực hiện Luật Giáo dục đại học; quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học; quy hoạch hệ thống giáo dục chuyên biệt; chương trình giáo dục mầm non mới; các Nghị định mới của Chính phủ về giáo dục và đào tạo; Quy chế thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025; Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2024 quy định về dạy thêm, học thêm; Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2024 ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học

phổ thông; Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT, ngày 07/3/2025 quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học...

- Tổ chức tuyên truyền chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về GDNN.

- Tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của đào tạo nghề cho lao động nông thôn đối với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao dân trí và đời sống của người dân nông thôn; về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn và sự chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, người dân về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến phát triển kinh tế nông nghiệp, cơ cấu ngành nghề và trình độ sản xuất tại khu vực nông thôn; quảng bá, nhân rộng mô hình hay, điển hình tốt sau học nghề.

- Chú trọng tuyên truyền, trang bị kiến thức cho người lao động về kỷ luật lao động công nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và ý thức, văn hóa trong doanh nghiệp,... để góp phần nâng cao tính kỷ luật, thái độ của lao động và kỹ năng mềm cho lao động,...

- Phát triển đội ngũ làm công tác truyền thông về GDNN, việc làm,... tuyên cơ sở gắn với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực tuyên truyền phù hợp.

- Xây dựng nội dung phù hợp, trực quan, dễ xem, dễ nhớ, dễ hiểu; đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo, đài, mạng xã hội (zalo, facebook, ...)); tại các phiên giao dịch việc làm, hội nghị, hội thảo, cuộc thi tìm hiểu chính sách, pháp luật về GDNN.

- Đổi mới hình thức, nội dung, phương tiện, cách tiếp cận với các vấn đề truyền thông; bám sát thực tiễn, lắng nghe, thể hiện rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý, của từng vị trí quản lý đối với những vấn đề, những sự việc của giáo dục mà xã hội quan tâm; tăng cường hoạt động truyền thông đa phương tiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tận dụng lợi thế của các diễn đàn mạng xã hội để lan tỏa các thông tin chỉ đạo điều hành, thông tin tích cực của Ngành hoặc liên quan đến Ngành.

10. Tăng cường thu hút các nguồn lực đầu tư cho giáo dục, đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội hoá đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

Tiếp tục lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025 để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đặc biệt đối với các trường vùng dân tộc thiểu số, trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh, trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng.

Quan tâm đến việc quản lý tốt cơ sở vật chất của nhà trường, khai thác hiệu quả trang thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học đã được đầu tư, tăng cường thực hành, thí nghiệm...; chú ý đến việc bảo quản nhà vệ sinh và công trình nước sạch trong các cơ sở giáo dục, tăng cường giáo dục vệ sinh môi trường, phòng chống rác thải nhựa.

11. Nhiệm vụ và giải pháp để phát triển giáo dục nghề nghiệp trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

a) Về đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn

* Về phát triển mạng lưới giáo dục nghề nghiệp: Tiếp tục quan tâm đầu tư, cải tạo, nâng cấp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; đảm bảo đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học; nâng cấp, cải tạo, xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn, cụ thể:

Phát triển mạng lưới giáo dục nghề nghiệp đồng bộ, gắn kết chặt chẽ với việc phát triển phân hiệu (Khu 5) của trường Đại học Cần Thơ, đảm bảo tính liên thông trong đào tạo giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học và sau đại học.

Đầu tư phát triển Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng và Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng đạt tiêu chuẩn ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc gia, khu vực ASEAN; phấn đấu Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng đạt tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao.

Đầu tư nâng cấp Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các địa phương đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 44 Luật Giáo dục năm 2019 và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT, ngày 06/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hình thành hệ thống giáo dục chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập cho người khuyết tật như: Xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho trại viên thuộc Cơ sở giáo dục bắt buộc (trại tạm giam) và cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc Trung tâm Bảo trợ xã hội.

Khuyến khích đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập, nhất là các trường đào tạo kỹ năng đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng, chiến lược của tỉnh.

* Về phát triển, đổi mới chương trình, giáo trình đào tạo:

- Đổi mới chương trình, giáo trình đối với các ngành, nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Phát triển mới chương trình, giáo trình đào tạo đối với các ngành, nghề xã hội có nhu cầu và có xu hướng phát triển mạnh trong thời gian tới, đặc biệt là các ngành, nghề thuộc tiềm năng, lợi thế của tỉnh như: Logistics, vận tải biển, thương mại điện tử, kỹ thuật may mặc, quản lý công nghiệp, điện - điện tử, chế biến thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao,...

- Tận dụng hiệu quả cơ hội cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần gắn với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho người dân, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số khu vực nông thôn và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với phương thức sản xuất tiên tiến, hiện đại, phù hợp với nền nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao; thúc đẩy tích hợp đa giá trị, nâng cao giá trị gia tăng, phát huy lợi thế của từng địa phương; có chính sách đầu tư, hỗ trợ cho đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và phát triển kinh tế tập thể khu vực nông thôn; triển khai các chương trình, đề án đào tạo, đào tạo lại phục vụ chuyển đổi nghề cho người dân do biến đổi khí hậu và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Phối hợp với các trường đại học xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo đảm bảo tính liên thông trong đào tạo giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

b) Về phát triển đội ngũ quản lý, đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý, nhà giáo các cấp.

- Tăng cường hợp tác, phối hợp với các trường cao đẳng, trường trung cấp, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trong và ngoài tỉnh, kể cả ở nước ngoài để trao đổi, học tập kinh nghiệm trong công tác quản lý, giảng dạy; đồng thời, hợp đồng thỉnh giảng nhà giáo để giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình đào tạo.

- Khuyến khích, huy động các chuyên gia, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân cấp tỉnh, người lao động có tay nghề cao,... trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế tham gia giảng dạy tại các trường cao đẳng, trường trung cấp, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

- Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp có chất lượng; huy động sự tham gia của các nhà khoa học, các nghệ nhân, doanh nhân, người sản xuất giỏi, lao động có tay nghề cao tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; cử cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng quản lý, quản trị cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các khoá bồi dưỡng về kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ,...

- Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác kiểm định, đảm bảo chất lượng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; hỗ trợ, khuyến khích phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

c) Nâng cao chất lượng công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo.

- Hoàn thành việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các phần mềm ứng dụng, hệ thống kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia về giáo dục nghề nghiệp và lao động. Thực hiện chuyển đổi, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu trong quản lý về lao động, giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm đảm bảo kết nối, tích hợp, khai thác dữ liệu giáo dục nghề nghiệp, việc làm với nền tảng số quốc gia, của tỉnh góp phần thực hiện đạt các mục tiêu chuyển đổi số của tỉnh; nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, phát huy vai trò người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và cơ quan quản lý các cấp.

- Kịp thời đề xuất, hoàn thiện cơ chế, chính sách về giáo dục nghề nghiệp, việc làm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thu hút, khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp đến đầu tư tại tỉnh và tham gia phát triển giáo dục nghề nghiệp, đào tạo kỹ năng nghề cho người lao động trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tại nơi làm việc, nhằm phát triển nhanh, bền vững nguồn nhân lực chất lượng cao. Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với thị trường linh hoạt, hiện đại, thích ứng và hội nhập; có chính sách khuyến khích học sinh sau trung học cơ sở có học lực khá, giỏi vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp và đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhu cầu của thị trường lao động, của doanh nghiệp và hội nhập quốc tế.

- Đẩy nhanh lộ trình phổ cập nghề cho thanh niên, công nhân, nông dân và người lao động thông qua các hình thức hỗ trợ phù hợp. Ưu tiên đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, người khuyết tật và người lao động yếu thế khác. Chú trọng phát triển giáo dục nghề nghiệp ở nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ưu tiên quỹ đất sạch dành cho giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư nhân; cơ sở giáo dục nghề nghiệp của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Tăng cường quản lý việc thực hiện các chính sách về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, nhất là chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục nghề nghiệp, hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trong các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tạo động lực cho phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, đặc biệt là lao động trẻ, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên xung phong, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động thất nghiệp, thiếu việc, người chấp hành xong án phạt tù, người sau cai nghiện ma túy,... để giúp họ nhanh tìm được việc làm, có thu nhập, ổn định cuộc sống, hòa nhập thị trường lao động.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo kết nối, tích hợp, khai thác dữ liệu giáo dục nghề nghiệp với nền tảng số giáo dục nghề nghiệp quốc gia góp phần thực hiện đạt các mục tiêu chuyển

đôi số của tỉnh tại Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 27/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV; nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, phát huy vai trò người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan quản lý các cấp.

- Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá và công nhận chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

d) Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo. Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn; cập nhật nghề, chuẩn hóa nội dung đào tạo, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp, kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, pháp luật, kinh doanh, khởi nghiệp, các kỹ năng mềm và đổi mới sáng tạo cho lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Coi trọng thực hành, nhất là từ thực tiễn sản xuất, kinh doanh; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong tất cả các khâu của quá trình đào tạo; nghiên cứu tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo hướng mở, linh hoạt phù hợp với địa phương và học viên.

- Phát huy tính chủ động của học viên, gắn kết đào tạo nghề với học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập ở khu vực nông thôn, góp phần xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam phát triển toàn diện, có ý chí, khát vọng xây dựng quê hương đất nước phồn vinh, hạnh phúc, có trình độ học vấn, năng lực đổi mới sáng tạo và tổ chức sản xuất tiên tiến, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Đổi mới căn bản công tác hướng nghiệp, phân luồng trong giáo dục phổ thông phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư vấn nghề; tập trung đào tạo lại nguồn nhân lực nông thôn, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, gắn với bảo tồn, phát huy không gian văn hóa khu vực nông thôn, tận dụng lợi thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thích ứng với quá trình đô thị hóa, già hóa dân số và biến đổi khí hậu, góp phần xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại.

đ) Triển khai, thực hiện các chính sách về giáo dục nghề nghiệp

- Triển khai, thực hiện có hiệu quả các tiểu dự án, nội dung thành phần về giáo dục nghề nghiệp, việc làm trong các Chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện tốt các chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại,... cho người lao động.

- Thu hút người lao động vào học các ngành, nghề trọng điểm, chất lượng cao; ưu tiên hỗ trợ học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông sang học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc liên kết, phối hợp trong đào tạo, giải quyết việc làm; phát triển đội ngũ quản lý, người dạy nghề trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác,...

- Đẩy mạnh giao quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Tăng cường nguồn thu sự nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động liên doanh liên kết và cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật; khuyến khích khu vực tư nhân tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

e) Hội nhập quốc tế về giáo dục nghề nghiệp: Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài, tiếp nhận chuyển giao trang thiết bị đào tạo, chương trình, giáo trình, học liệu, phương pháp giảng dạy và học tập; trao đổi giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên, chuyên gia quốc tế,...

Song song với công tác đào tạo nghề, chúng ta cũng cần phải thực hiện gắn kết chặt chẽ công tác giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề cho lao động nông thôn với doanh nghiệp và thị trường lao động. Cụ thể:

Thường xuyên thu thập, cập nhật, tổng hợp các dữ liệu về nhu cầu lao động, nhu cầu đào tạo của các đơn vị sử dụng lao động và phản hồi của người học nghề sau tốt nghiệp để tổ chức đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm sau đào tạo và định hướng phát triển giáo dục nghề nghiệp.

Hợp tác chặt chẽ giữa Nhà trường - Doanh nghiệp với sinh viên; giữa các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp với Nhà trường nhằm thực hiện các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm trên cơ sở hài hòa lợi ích và trách nhiệm xã hội của các bên tham gia và triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho sinh viên, học sinh phù hợp với từng đối tượng lao động, ngành, nghề làm việc.

Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm Dịch vụ việc làm, các cơ sở hoạt động dịch vụ việc làm để hỗ trợ người lao động sau học nghề tìm được việc làm; giáo dục nghề nghiệp gắn với đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Khuyến khích người sử dụng lao động tham gia vào quá trình đào tạo, tuyển dụng, sử dụng lao động sau đào tạo.

Bảo đảm nguồn lực, các điều kiện nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; hoàn thiện chính sách hỗ trợ đào tạo cho lao động nông thôn, nhất là hỗ trợ về vốn, phương tiện sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, giới thiệu việc làm sau đào tạo.

Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo nghề; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho

công tác đào tạo nghề, nhất là ở những ngành nghề, nơi có điều kiện phát triển; khuyến khích tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phát triển cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tiếp tục đầu tư đồng bộ, bảo đảm cơ sở vật chất cho đào tạo nghề, nhất là những nghề gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

12. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục

Chú trọng đến việc kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ trong trường học, công tác quản lý, công tác tài chính, thực hiện chương trình giáo dục,... Tập trung giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh theo quy định./.

PHỤ LỤC

Một số văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII

- (1)** Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025).
- (2)** Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.
- (3)** Nghị quyết số 202/2025/QH15, ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.